

KINH PHỔ MÔN CHÚ GIẢNG



Bhikkhu THÍCH THÁI HÒA
Nguồn

www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 18 – 8 - 2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>

Mục Lục

1. Ý NGHĨA VÀ DUYÊN KHỞI
2. NỘI DUNG CHỦ YẾU
 1. Vượt thoát bảy tai nạn
 2. Chuyển Hóa Ba Căn Bản Phiền Nã
 3. Thỏa Mãn Hai Ước Nguyên
 4. Ba Mươi Ba Ứng Thân
3. PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH
 - 1- Giới học Phổ Môn
 - 2- Định Học Phổ Môn
 3. Tuệ Học Phổ Môn
4. TIN, HIỆU VÀ CẢM NHẬN
5. KINH ĐIỆU PHÁP LIÊN HOA - PHẨM PHỔ MÔN - BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM.
6. PHẨM PHỔ MÔN BẰNG CHỮ NÔM
7. 妙法蓮華經觀世音菩薩普門品.
8. Bản Anh Ngữ

---o0o---

1. Ý NGHĨA VÀ DUYÊN KHỞI

Ở kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn là nói về Hạnh môn Pháp Hoa của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Phổ Môn, tiếng Phạn là Samantamukha. Samanta là phổ biến, cùng khắp. Mukha là cửa ngõ. Ngài La Thập, Trúc Pháp Hộ và Xà Na Quật Đa, đều dịch Samantamukha là Phổ Môn.

Phổ Môn nghĩa là cửa ngõ cùng khắp mọi nơi. Và là cửa ngõ giúp ta đi vào mười như thị của mọi sự hiện hữu, để thấy rõ bất cứ sự hiện hữu nào cũng có mười như thị, gồm: Tướng như thị, tính như thị, thể như thị, lực như thị, tác như thị, nhân như thị, duyên như thị, quả như thị, báo như thị, bản mạt cứu cánh như thị¹. Phổ Môn là cánh cửa giúp ta đi vào thực tại, đi vào thực tướng của mọi sự hiện hữu qua mười như thị ấy.

Lại nữa, Phổ có nghĩa là cùng khắp; Môn là môi trường. Phổ Môn là môi trường hoạt động cùng khắp của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Bồ Tát Quán Thế Âm không phải chỉ hoạt động từ bi để diễn thuyết và hoằng truyền kinh Pháp Hoa ở trong cửa ngõ vào và ra của nhân thiên hay môi trường của nhân thiên, mà còn diễn thuyết và hoằng truyền kinh Pháp Hoa cùng một lúc khắp cả mười phương pháp giới. Trong đó có Lục Phàm và Tứ Thánh.

*** Lục Phàm:**

1.Thế giới của Địa Ngục: Trong thế giới địa ngục cũng có vô số thế giới, vô số nhân duyên nghiệp quả, chứ không phải chỉ là một thế giới hay là một nhân duyên nghiệp quả. Và mọi sự hiện hữu ở trong thế giới của Địa ngục, mỗi sự hiện hữu đều có đầy đủ cả mười như thị.

2.Thế giới của Ngạ Quỷ: Trong thế giới của ngạ quỷ cũng có vô số thế giới, vô số nhân duyên nghiệp quả, chứ không phải chỉ là một nhân duyên nghiệp quả. Và mọi hiện hữu ở trong thế giới của Ngạ quỷ, mỗi sự hiện hữu đều có đầy đủ cả mười như thị.

3.Thế giới của Súc Sanh: Trong thế giới súc sanh cũng vậy, chúng cũng có vô số thế giới, vô số nhân duyên nghiệp quả, không có nhân duyên nghiệp quả của chủng loại súc sanh nào giống chủng loại súc sanh nào, nghĩa là có vô số thế giới của súc sanh. Và mọi hiện hữu ở trong thế giới của súc sanh, mỗi sự hiện hữu đều có đầy đủ cả mười như thị.

4 Thế giới của loài A Tu La: Trong thế giới của các loài quỷ thần này, họ cũng có vô số thế giới, vô số nhân duyên nghiệp quả. Và mọi hiện hữu ở trong thế giới của A Tu La, mỗi sự hiện hữu đều có đầy đủ cả mười như thị.

5.Thế giới của loài người: Trong thế giới của loài người cũng có vô số thế giới, vô số nhân duyên nghiệp quả, không có nhân duyên nghiệp quả của người nào giống người nào, ngay cả trong một dòng dõi huyết thống, nhân

duyên nghiệp quả của mỗi người cũng không ai giống ai, mỗi người là mỗi thế giới của nhân duyên nghiệp quả. Và mọi sự hiện hữu ở trong thế giới loài người, mỗi sự hiện hữu cũng đều có đầy đủ cả mười như thị.

6. Thế giới của chư Thiên: Trong thế giới của chư Thiên cũng có vô số thế giới, vô số nhân duyên nghiệp quả khác nhau. Chư Thiên Dục giới không những nhân duyên nghiệp quả không đồng với chư Thiên các cõi trời Sắc giới và Vô sắc giới đã đành, mà ngay nhân duyên nghiệp quả ở nơi các cõi trời Dục giới, họ cũng không đồng nhau, và ngay nơi chư Thiên của Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, nhân duyên nghiệp quả tự thân của mỗi vị cũng không đồng nhau. Tự thân của mỗi thiên, mỗi nhân là mỗi thế giới. Và mọi sự hiện hữu ở trong thế giới của chư thiên, mỗi sự hiện hữu đều có đầy đủ cả mười như thị.

*** Tứ Thánh:**

1. Thế giới của các Thánh giả Thanh Văn: Mỗi Ngài lãnh hội Tứ Thánh Đế mỗi cách tùy theo nhân duyên nghe pháp, nhân duyên tri Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo của mỗi vị. Nhân và Pháp ở trong thế giới của các Thánh giả Thanh Văn, mỗi nhân và mỗi pháp cũng đều có đầy đủ cả mười như thị.

2. Thế giới của các Thánh giả Duyên Giác: Mỗi Ngài lãnh hội lưu chuyển và hoàn diệt của giáo lý Mười hai duyên khởi mỗi cách, cũng tùy theo nhân duyên thiên quán sâu cạn của mỗi vị. Nên, mỗi vị cũng là mỗi thế giới tu chứng. Và Nhân cũng như Pháp ở trong thế giới của các Bậc Thánh giả Duyên Giác, mỗi nhân và mỗi pháp cũng đều có đầy đủ cả mười như thị.

3. Thế giới của Bồ Tát: Mỗi Ngài tùy theo năng lượng của Bồ đề tâm mà phát khởi hạnh nguyện và tùy theo hạnh nguyện mà tạo thành cách hành động và cảnh giới của mình. Và Nhân cũng như Pháp ở trong thế giới của Bồ Tát, mỗi nhân và pháp cũng đều có đầy đủ cả mười như thị.

4. Thế giới của chư Phật: Cũng vậy, khi hành Bồ Tát đạo, tùy theo hạnh nguyện tu tập của mỗi Ngài, mà tạo thành cảnh giới tương ứng để giáo hóa. Và trong thế giới của chư Phật, mỗi sự hiện hữu cũng có đầy đủ cả mười như thị.

Do đó, trong mỗi pháp giới có nhiều thế giới, cho đến có vô số thế giới. Và trong tự thân nhân duyên của mỗi loài, hay của mọi sự hiện hữu đều có đầy đủ mười như thị, và trong mỗi pháp giới đều có đầy đủ cả Thập pháp giới.

Nên, nói Thập pháp giới là nói tổng quát, và nói chi tiết thì phải nói có vô số pháp giới hay vô số thế giới.

Vậy, Phổ Môn là pháp hạnh của Bồ Tát Quán Thế Âm, pháp hạnh ấy là cùng một lúc mà có mặt cả toàn thể pháp giới, cả mười pháp giới và cả vô số thế giới để đem hạnh không sợ hãi mà hiến tặng cho tất cả Phạm Thánh, và diễn thuyết Pháp Hoa cho tất cả sinh loại Thánh, Phạm cùng khắp hết thảy pháp giới trong mười phương. Đối với Lục phàm Bồ Tát Quán Thế Âm diễn giảng Kinh Pháp Hoa, khiến cho họ tu tập không còn sợ hãi đối với những khổ đau do “Phân đoạn sinh tử đem lại” mà khởi tâm Bồ Đề hướng tới Nhất Thừa Đạo. Và đối với các Thánh giả, Bồ Tát Quán Thế Âm diễn giảng Kinh Pháp Hoa, khiến cho các Thánh không còn khởi tâm sợ hãi đối với khổ đau do “Biến dịch sinh tử đem lại”, sẵn sàng buông bỏ các địa vị tu chứng có tính cách tạm thời mà vững tâm tiến về Nhất Thừa Phật Đạo.

Đối với ai chưa mở được Phật tri kiến, thì Bồ Tát thuyết pháp một cách thích ứng để cho họ mở Phật tri kiến, đối với ai chưa thấy Phật tri kiến, thì Bồ Tát thuyết pháp một cách thích ứng cho họ, để chỉ bày Phật tri kiến cho họ. Đối với ai chưa giác ngộ Phật tri kiến, thì Bồ Tát thuyết pháp một cách thích ứng để giác ngộ Phật tri kiến cho họ và đối với ai chưa thể nhập Phật tri kiến, thì Bồ Tát hóa thân thuyết pháp một cách thích hợp để cho họ thể nhập hoàn toàn Phật tri kiến.

Và, nếu đối với ai không có khả năng để tin rằng, tự thân mình có Phật tính và hết thảy chúng sanh đều có Phật tính; và đều có khả năng thành Phật, thì đối với hạnh Phổ môn, Bồ Tát Quán Thế Âm có thể biểu hiện thân thể và thuyết pháp một cách thích ứng, khiến cho họ sinh khởi đức tin rằng: “Ta và hết thảy chúng sanh đều có Phật tính, và tất cả đều có khả năng thành Phật”.

Nếu có bao nhiêu người cùng một lúc chưa có đức tin này, thì Bồ Tát biểu hiện có bấy nhiêu thân thể cùng một lúc, thích ứng để thuyết pháp, khiến cho tất cả họ, đều cùng một lúc sinh khởi đức tin ấy.

Nên, Phổ môn là pháp hạnh của Bồ Tát Quán Thế Âm và Bồ Tát Quán Thế Âm là người đang thực hành pháp môn phổ môn ấy.

Đối với kinh Pháp Hoa, Bồ Tát Dược Vương là tiêu biểu cho hạnh môn về khổ hạnh và nhấn mạnh đến thân hành thanh tịnh và đốt thân thanh tịnh để cúng dường Phật và pháp, nên Dược Vương Bồ Tát là tiêu biểu cho vị Bồ Tát bố thí thân một cách tuyệt đối.

Bồ Tát Diệu Âm đối với hạnh môn Pháp Hoa là tiêu biểu cho ngữ hành thanh tịnh và đem ngữ hành thanh tịnh ấy mà phụng sự chánh pháp, nên Bồ Tát Diệu Âm là tiêu biểu cho vị Bồ Tát bố thí pháp một cách tuyệt đối.

Và Bồ Tát Quán Thế Âm đối với kinh Pháp Hoa là vị Bồ Tát tiêu biểu cho ý hành thanh tịnh và đem ý hành thanh tịnh ấy mà phụng sự chánh pháp. Nên, Bồ Tát Quán Thế Âm là tiêu biểu cho vị Bồ Tát bố thí nghị lực, bố thí ý chí hay bố thí sự không sợ hãi một cách tuyệt đối.

Theo kinh Bi Hoa, trong thời kỳ quá khứ, có thế giới tên là Tán Đề Lam, thuộc kiếp Thiện Tri, bấy giờ có Phật ra đời hiệu là Bảo Tạng, có vị Thái tử của vua Vô Lượng Tịnh, phát Bồ đề tâm cúng dường Phật và Tăng tử khuru ba tháng và phát nguyện, nếu có chúng sanh nào đang chịu khổ não trong ba ác đạo, họ liền nghĩ đến tôi, xưng niệm danh hiệu của tôi, tôi sẽ dùng thiên nhĩ nghe âm thanh của họ, dùng thiên nhãn thấy họ mà họ không thoát khỏi khổ đau, tôi nguyện không thành tựu đạo quả Vô Thượng Bồ Đề.

Bấy giờ, Đức Phật Bảo Tạng bảo với vị Thái tử ấy rằng: “Người nhìn hết thấy chúng sanh là vì muốn đoạn trừ hết thấy khổ đau cho họ, nên nay danh hiệu của Người là Quán Thế Âm”. Và Thái tử tức là Bồ Tát Quán Thế Âm đã được Đức Phật Bảo Tạng thọ ký thành Phật trong tương lai với bài kệ:

“Đại Bi công đức

kim ưng hoàn khởi

địa lục chấn động

cập chư Phật giới.

Thập phương chư Phật

đĩ thọ nữ ký

đương thành vi Phật

cổ ưng hoan hỷ”².

Nghĩa là:

*Công đức đại bi
nay, nên khởi lại
đất sáu chấn động
cùng các cõi phật.
Các phật mười phương
thọ ký cho người
tương lai làm phật
nên, hãy vui lên.*

Và ở trong Đại Bi kinh: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói với Bồ Tát Tổng Trì Vương rằng: “Bồ Tát Quán Thế Âm từ vô lượng kiếp đã thành tựu tâm đại từ, đại bi, có khả năng thực hành vô lượng pháp môn, nắm giữ hết thảy thiện pháp một cách thông minh. Vì muốn làm cho hết thảy chúng sanh an lạc, nên mật phóng ra sức mạnh của thần thông vĩ đại”. Và Bồ Tát Quán Thế Âm cũng đã thưa với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rằng: “Thần chú Đại Bi này, từ vô lượng kiếp về trước, con đã được Đức Phật Thiên Quang Vương Tịnh Trụ trao truyền và dạy con rằng: Người hãy hành trì tâm chú này, để làm đại lợi ích cho khắp hết thảy chúng sanh vào đời ác trước trong tương lai”. Và cũng ở trong kinh này, Đức Phật Thích Ca đã nói với Tôn giả A Nan và đại chúng lúc bấy giờ ở Núi Phổ Đà rằng: “Oai lực của Bồ Tát Quán Thế Âm là không thể nghĩ bàn, ở vô lượng kiếp trong quá khứ vị Bồ Tát này đã làm Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai, vì muốn phát khởi nguyện lực đại bi cho hết thảy Bồ Tát và vì muốn thành thực sự an lạc cho hết thảy chúng sanh mà hiện thân làm vị Bồ Tát vậy”.³

Nhưng, ở trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn này, Bồ Tát Vô Tận Ý đã thưa hỏi đức Phật Thích Ca rằng: “Bồ Tát Quán Thế Âm, vì do nhân duyên gì gọi là Quán Thế Âm?”.

Đức Phật Thích Ca đã trả lời cho Bồ Tát Vô Tận Ý như sau:

“Hỡi Thiện Nam Tử! Nếu có vô số chúng sanh, bị nhận lấy mọi sự đau khổ, họ nghe nói đến Bồ Tát Quán Thế Âm, liền hết lòng xưng niệm danh

hiệu của Ngài, ngay lúc đó, Ngài nghe thấy âm thanh của họ và họ liền được giải thoát”.⁴

Đây là sự giải thích của đức Phật Thích Ca cho Bồ Tát Vô Tận Ý về ý nghĩa Bồ Tát Quán Thế Âm và duyên khởi phẩm Phổ Môn này, cũng chính do Bồ Tát Vô Tận Ý thưa hỏi, và nhân đó, đức Phật đã giải thích danh hiệu, cũng như hạnh môn của Bồ Tát Quán Thế Âm cho đại chúng nghe.

¹ Mười như thị là căn cứ vào phẩm Phương tiện của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, bản dịch của Ngài Cưu Ma La Thập, tr 5, Đại Chính 9. Ở phẩm Thiệm Quyền của Chánh Pháp Hoa Kinh, bản dịch của Ngài Trúc Pháp Hộ, tr 68, Đại Chính 9, không có mười như thị cụ thể như bản dịch của Ngài La Thập, nhưng chúng được diễn tả qua đoạn kinh như sau: “Như Lai giai liễu chư pháp sở do, tòng hà sở lai chư pháp tự nhiên, phân biệt pháp mạo chúng tướng, căn bản tri pháp tự nhiên = Nghĩa là: Như Lai đều biết rõ nhân duyên của các pháp, thể tính của các pháp do nhân duyên gì mà biểu hiện, biện biệt rõ ràng các hình tướng, dung mạo và gốc rễ, biết rõ tính thể của các pháp”. Trong Thiêm Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, bản dịch của Ngài Xà Na Quật Đa, tr 138, Đại Chính 9, cũng có đầy đủ Mười như thị như bản dịch của Ngài La Thập. Dịch bản Anh ngữ của Burton Watson cũng có đầy đủ cả mười như thị (The Lotus Sutra, P 24, Columbia University Press New York 1993).Thập như thị, trong bản Phạn văn hiện có trong Buddhist Sanskrit Texts – No 6, Trang 21, như sau: Ye ca te dharmāḥ, yathā ca te dharmāḥ, yādr’sāśca te dharmāḥ, yallaksanā’sca te dharmāḥ, yatsvabhāvā ‘sca te dharmāḥ, ye ca yathā ca yādr’scā yallaksanā ‘sca yatsvabhāvā ‘sca te dharmā iti. Tesu dharmesu Tathāgata evam pratyakso’parokṣah.

² Kinh Bi Hoa, bản Hán dịch của Đàm Vô Sấm, tr 185-186, Đại Chính 3. Tham cứu thêm Đại Thừa Bi Phân Đà Lợi Kinh, tr 251, Đại Chính 3.

³ Đại Bi Đà La Ni Kinh, bản Hán dịch của Già Phạm Đạt Ma, tr 106 – 110, Đại Chính 20.

⁴ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, tr 56, Đại Chính 9.

2.NỘI DUNG CHỦ YẾU

Nội dung của phẩm này là nói về Hạnh Môn và uy lực hóa độ của Bồ Tát Quán Thế Âm. Hạnh Môn và uy lực hóa độ của Ngài gồm có:

1.Vượt thoát bảy tai nạn

1.1 Vượt Thoát Tai Nạn Của Lửa:

Kinh nói: “Nếu có người chấp trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì vị ấy vào trong lửa dữ, lửa ấy không thể đốt cháy, đó là do oai lực của Bồ Tát vậy”.

Lửa ở đây có ba loại:

Thứ nhất là lửa thuần về vật lý. Thứ hai là lửa thuộc về hỏa đại ở trong các sinh thể và thứ ba là lửa thuộc về phiền não của tâm. Ba thứ lửa này có thể đốt cháy ta bất cứ lúc nào và ở đâu.

Do uy lực trì niệm Bồ Tát Quán Thế Âm của ta, nên ba loại lửa ấy không thể đốt cháy được phước đức của ta. Mỗi khi đối diện với tai nạn, mà ta có phước đức, là ta có điều kiện để thoát khỏi.

Tại sao? Do khi nhất tâm trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, ta niệm như vậy đúng với định lực và nguyện lực của Bồ Tát này, nên định lực từ bi, trí tuệ và phước đức trong ta phát khởi tiếp xúc và giao cảm được với định lực và nguyện lực từ bi, trí tuệ và phước đức vốn châu biến cả pháp giới của vị Bồ Tát ấy, tạo ra một nguồn năng lượng nhân duyên sinh động cực thiện, khiến thay đổi tình trạng của tai nạn. Lửa không thể cháy, vì nhân duyên của lửa cháy đã bị thay đổi. Nên, các loại lửa vật lý, lửa sinh thể, lửa phiền não của tâm đều bị dập tắt khiến cho thân tâm và hoàn cảnh của ta không bị đốt cháy bởi các thứ lửa ấy.

1.2 Vượt Khỏi Tai Nạn Của Nước:

Kinh nói: “Nếu bị nước lớn cuốn trôi, mà trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, tức khắc liền được chỗ nước cạn”.

Nước ở đây cũng có ba loại:

Thứ nhất, nước thuần vật lý. Thứ hai, nước thuộc về thủy đại ở trong các sinh thể. Thứ ba, nước là những chất liệu tham ái của tâm.

Ba thứ nước này có thể nhận chìm và cuốn trôi ta bất cứ lúc nào và ở đâu.

Nước vật lý có thể nhận chìm và cuốn trôi ta ở nơi mưa lũ, thác ghềnh, sông biển.

Nước ở trong sinh thể có thể nhận chìm và cuốn trôi ta vào 101 tai họa bệnh khổ của thân.

Và nước tham ái của tâm cuốn trôi tất cả phước đức của ta, nhận chìm ta trong biển cả sinh tử.

Khi bị những tai nạn thuộc về nước như vậy, ta nhất tâm niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, khiến cho các loại nước ấy không thể nhận chìm và cuốn trôi phước đức của ta.

Tại sao? Tại vì ta nhất tâm niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, niệm như vậy là đúng với định lực và nguyện lực từ bi, trí tuệ và phước đức của vị Bồ Tát này, nên định lực từ bi, trí tuệ và phước đức trong ta sinh khởi, tiếp xúc và giao cảm được với định lực và nguyện lực từ bi, trí tuệ và phước đức vốn châu biến cả pháp giới của vị Bồ Tát ấy, tạo ra một nguồn năng lượng nhân duyên sinh động cực thiện, khiến thay đổi tình trạng tai nạn của ta. Bấy giờ nước không thể cuốn trôi và nhận chìm ta được, vì nhân duyên tai nạn do nước gây nên đã hoàn toàn thay đổi. Nên, các loại nước gây tai nạn thuộc về vật lý, sinh học và tham ái của tâm đều bị khô kiệt, khiến cho thân tâm và hoàn cảnh của ta không bị cuốn trôi và nhận chìm bởi các thứ nước ấy.

---o0o---

1.3 Vượt Thoát Khỏi Tai Nạn Gió Và Quỷ La Sát:

Kinh nói: “Nếu có trăm ngàn vạn ức người, vì tìm cầu vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu, và những thứ quý báu cùng loại, khi đi vào biển cả, giả sử bị trận gió u ám, thổi thuyền tàu tấp vào đảo quốc quỷ La Sát, trong những người ấy, dầu đến chỉ có một người trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì những người ấy vẫn thoát khỏi được tai họa quỷ La Sát. Vì những nhân duyên như vậy, nên gọi là Quán Thế Âm”.

Gió u ám: Hán gọi là hắc phong. Hắc phong là gió chướng, gió thổi mát bình thường, làm mờ mịt trời đất, khiến người đi bộ, đi trên tàu, trên biển, đi trên máy bay, không còn có khả năng định hướng để đi, nên rất dễ gặp tai nạn.

Gió cũng có nhiều loại:

Gió là do thay đổi áp suất không khí, khiến cho không khí có sự chuyển động. Nên, gió là do sự chuyển động của không khí tạo nên. Gió này là gió thuộc về vật lý.

Gió nghiệp là gió do ác nghiệp của chúng sanh tạo nên. Gió ấy đẩy chúng sanh trôi dạt vào các ác đạo như địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh.

Gió phiền não là gió khởi lên từ tâm tham lam, sân hận, si mê, kiêu ngạo, tà kiến và chấp ngã. Gió ấy thổi lên và nhận chìm chúng sanh trong biển cả sinh tử.

Gió danh lợi là gió thổi và bùng gốc rễ đạo đức, nhân ái của chúng ta.

Nhưng, ở trong phẩm kinh này, nói gió đen thổi mạnh và đẩy thuyền tàu của những người đi vào biển tìm châu ngọc tấp vào đảo quốc La Sát, mà nếu trong đó, có một người niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tất cả người trong thuyền đều thoát khỏi tai nạn quỷ La Sát.

Quỷ La Sát: là loài quỷ chuyên ăn thịt người, chúng có mặt khắp nơi, nhưng thường trú ngay ở hải đảo. Những người đi biển gặp phải gió xoáy đen làm mù mịt cả trời đất, biển cả, thuyền tàu trôi dạt vào đảo quốc La Sát như vậy, mà trong đó có một người nhất tâm trì niệm danh hiệu Quán Thế Âm, thì tất cả mọi người trong thuyền đều thoát khỏi tai nạn quỷ La Sát.

Niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm trong lúc ấy, làm sinh khởi từ bi và định lực nơi ta và từ bi, định lực nơi loài La Sát, khiến phước đức và lòng từ bi nơi ta sinh khởi mãnh liệt, tác động vào hạt giống từ bi và trí tuệ nơi quỷ La Sát, khiến cho trong giờ phút ấy, ác tâm của họ không đủ điều kiện để sinh khởi; mà chỉ sinh khởi thiện tâm, khiến cho quỷ La Sát đã không ăn thịt người mà còn khởi lên từ tâm cứu giúp người thoát khỏi tai nạn.

Điều này chứng tỏ rằng, thiện tánh hay ác tánh ở nơi hết thảy chúng sanh không có nhất định, không có tự tánh. Nếu gặp thiện duyên, thì thiện

tánh sinh khởi, nếu gặp ác duyên thì ác tánh phát sinh. Nên, khi đi vào biển cả bị gió xoáy, gió chướng làm thuyền tàu tấp vào đảo quốc La Sát, ta phải nhất tâm niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, là tạo nhân duyên tốt đẹp để thiện tánh nơi loài La Sát sinh khởi, và để cho từ bi tâm nơi loài La Sát khởi sinh. Một khi thiện tâm và từ bi tâm của quý La Sát sinh khởi qua danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, do ta nhất tâm xưng niệm, thì loài quý La Sát không khởi tâm hại ta, mà khởi tâm cứu ta là điều chúng ta có thể hiểu được. Quý La Sát có thể là những hạt giống bất như ý ở trong tâm thức ta khởi lên, hay nộ khí xung thiên trong ta nổi dậy, ta muốn ăn tươi nuốt sống người mà đã gây ra cho ta những bất như ý, chính lúc đó ta không còn là ta, mà ta là quý La Sát.

Lại nữa, quý La Sát là loài thích ăn thịt chúng sanh, nhất là thịt người. Vì trong tâm thức của loài này chứa đầy những hạt giống về nghiệp sát và hạt giống ấy luôn biểu hiện thường trực trong đời sống của chúng.

Nên, những loài thích ăn thịt chúng sanh, dù là ăn thịt bằng bất cứ cách nào, cũng đều có hạt giống của loài quý La Sát cả. Nếu những hạt giống ấy, khi có điều kiện mà biểu hiện quá mạnh, thì giây phút đó, ta không còn là người; ta là quý La Sát. Và nếu hạt giống ăn thịt của ta không biểu hiện đủ mạnh như quý, để thành quý La Sát, thì nó cũng biểu hiện sự thèm khát ăn thịt của loài chúng sanh như chó sói, cọp, beo, mèo, chồn, và giây phút ấy ta là những loài ấy.

Bởi vậy, đối với quý La Sát chính hiệu hay là quý La Sát trá hình, hoặc thuộc về dòng họ quý La Sát, thì những hạt giống sát hại, nhân duyên sát hại, hành động sát hại, quả báo sát hại nơi những người ấy là những môi trường hoạt động thường trực của họ. Trong môi trường ấy, rất cần sự có mặt của Bồ Tát Quán Thế Âm, qua hình tướng, qua danh hiệu và nguyện lực từ bi của Ngài để làm thay đổi nhân duyên của nghiệp sát, khiến cho nghiệp sát trở thành hành động từ bi, chúng tử sát trở thành chúng tử nhân từ, khiêm ái, khi ta niệm tiếng Nam Mô Bồ Tát Quán Thế Âm, bằng tất cả tấm lòng tha thiết đầy từ bi và nguyện lực của ta.

---o0o---

1.4 Vượt Thoát Khỏi Nạn Hình Sự:

Kinh nói: “Nếu có người sắp sửa bị đem ra hành hình mà trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì dao gậy trong tay đao phủ tức khắc gãy ra từng đoạn và người bị hành hình liền được thoát khỏi”.

Nạn hình sự, cũng gọi là vương nạn, là tai nạn do quyền lực của vua quan đem lại cho người dân và đem dân ra xử ở pháp đình theo vương pháp, qua những khí cụ như đao, gậy, hoặc để đâm chém cho chết, hoặc để đánh đập cho bị thương tích, nên cũng gọi là Đao trượng nạn.

Hoặc do oan mà rơi vào tai nạn hình sự, hoặc do tạo nhân hình sự mà rơi vào hậu quả của hình sự, hoặc bị pháp đình tuyên bố xử bắn, hoặc làm thương tích, hoặc bị kêu án tù tội, trong những trường hợp ấy, người bị nạn trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm với tâm chí thành đều có hiệu quả tốt đẹp.

Tại sao? Tại do năng lực trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, khiến cho năng lực từ bi và trí tuệ châu biến cả pháp giới của Ngài, tự xâm nhập vào tâm chí của người niệm, tạo thành năng lực trí tuệ, từ bi có khả năng gia trì, khiến cho người xử án đủ năng lực sáng suốt, để xét xử vấn đề một cách phân minh. Nếu người bị xử bị oan, thì sẽ được minh oan; Nếu người bị xử đúng tội danh, đúng tội chủng, đúng tội tướng và tội hình, thì tức thời được giáo huấn đạo đức, sớm phục thiện và được giảm án hoặc được bồi thường bằng tài vật, mà không bị tổn hại đến thân thể hoặc được tha bổng, tùy theo những trường hợp của vấn đề.

Nhưng, chắc chắn khi bị đem ra xét xử, mà người bị xét xử do niệm trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì không thể bị gia hình, hoặc bị gia oan. Trái lại, tội nặng sẽ biến thành tội nhẹ và tội nhẹ chuyển thành vô tội. Dù vậy, nhưng công lý vẫn được tôn trọng. Tại tội do tâm, khi tâm đã hối hận và thay đổi bằng cách chí thành niệm trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tội danh, tội chủng, tội tướng và tội hình đều tùy thuộc theo sự thay đổi của tâm người phạm, mà tự thay đổi, và tâm của quan tòa cũng duyên theo tâm đổi thay của phạm nhân mà thay đổi cách xét xử và mức độ của bản án.

Nên, niệm trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm mà vượt thoát khỏi tai nạn hình sự là điều có thể xảy ra và chúng ta có thể kiểm nghiệm từ nơi các phạm nhân và phiên tòa, dù rằng phạm nhân do niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm mà thoát khỏi nạn hình sự, nhưng công pháp vẫn được tôn trọng và công lý vẫn được bảo toàn.

---00---

1.5 Vượt Thoát Nạn Quỷ Dạ Xoa:

Kinh nói: “Nếu giả sử cả thế giới tam thiên và đại thiên, đầy cả quỷ Dạ Xoa, La Sát, những loài ấy muốn đến nỗi hại người nào, mà nghe người ấy, xưng danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì các loài quỷ dữ ấy, còn không thể dùng mắt để nhìn người ấy, huống nữa làm hại”.

Không những La Sát là loài quỷ dữ mà Dạ Xoa cũng là loài quỷ dữ. Quỷ Dạ Xoa là loài quỷ hay gây bệnh cho chúng sanh và thích hút tinh khí của người và chúng sanh.

Tại sao niệm trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì các loài quỷ dữ này không thể dùng mắt dữ để nhìn người niệm, huống là có hành động làm hại?

Tại vì Bồ Tát Quán Thế Âm đối với hết thảy các loài thiên nhân, thánh phàm, quỷ thần ..., không những Bồ Tát có ân đức cứu độ lớn đối với họ, mà còn có uy đức nhiếp phục lớn đối với hết thảy chúng sanh nữa.

Đối với chúng sanh nào, loài nào cần dùng ân đức để nhiếp phục, thì Bồ Tát Quán Thế Âm sử dụng ân đức để nhiếp phục và đối với những loài nào cần dùng uy đức để nhiếp phục, thì Bồ Tát liền dùng uy đức để nhiếp phục, và trong danh hiệu của Bồ Tát có chuyển tải đầy đủ cả hai chất liệu ân đức và uy đức ấy, nên khi nghe, niệm trì danh hiệu của Ngài, thì các loài quỷ này đã từng thọ ân giáo hóa, hoặc sợ hãi uy đức, khiến cho các loài quỷ ấy không dám đưa mắt dữ mà nhìn người đang trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Và, vì người trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm là làm cho ân đức và uy đức của vị Bồ Tát này, đang có mặt một cách đích thực ở nơi thân tâm của người đang niệm, do uy đức đó, khiến cho các loài quỷ ấy, không thể nào đưa mắt dữ mà nhìn người đó, huống nữa là có hành động ám hại.

---o0o---

1.6 Vượt Thoát Khỏi Nạn Gông Cùm:

Kinh nói: “Giả sử, lại có người có tội, hoặc không có tội, mà thân thể của họ bị gông cùm, trói buộc, xiềng xích, người ấy xưng trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì những dụng cụ trói buộc, gông cùm, xiềng xích ấy, đều bị đứt rã và người ấy liền được giải thoát”.

Đây là thần lực giải cứu người đang bị bắt tù, dù người đó là có tội hay không có tội. Người tù bị bắt trói nơi tay gọi là nữu (杻), bị trói nơi chân gọi là giới (械); bị trói ở cổ gọi là giā (枷); bị trói ở thân gọi là tảo(鎖).

Người bị bắt tù dù có tội, không có tội, bị bắt trói bằng bất cứ cách gì, người tù ấy biết khởi tâm giải thoát đối với ái nghiệp, đối với ái kiến, đối với sự chấp thủ ngã và khởi tâm sám hối đối với những tác nghiệp hiện tại và dư báo từ đời trước, rồi nhất tâm niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm một cách chí thành, làm cho tự thân phát sinh định lực giải thoát và định lực giải thoát ấy, lại tiếp xúc và hội nhập được với định lực giải thoát châu biến pháp giới của Bồ Tát Quán Thế Âm, khiến cho cai tù sinh khởi từ tâm và tự tháo gỡ cho kẻ bị tù, hay làm cho người giám đốc nhà tù sinh khởi từ tâm, mà ra lệnh phóng thích cho người ở tù, hoặc làm cho cảnh nhà tù thay đổi, khiến hết thảy mọi sự gông cùm tự nhiên đứt rã.

Bồ Tát Quán Thế Âm còn gọi là Bồ Tát Quán Tự Tại, nên khi bị gông cùm, tù đày, ta niệm danh hiệu của Ngài, khiến cho những hạt giống tự tại phát khởi và lớn mạnh trong tâm ta, trong mọi suy nghĩ của ta, trong lời nói và hành động của ta, nên khi nhân duyên hội đủ, thì ta có sự tự do, sự tự tại và ta thoát khỏi lao ngục, xiềng xích, gông cùm một cách tự nhiên.

Và trong khi trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm như vậy, thân ta tuy đang bị gông cùm mà tâm ta đã bắt đầu có sự tự do. Ta càng trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sự tự do trong tâm ta càng mở rộng. Và mỗi khi tâm đã có được sự tự do lớn, tâm sẽ giúp cho thân có tự do và tâm sẽ có khả năng tháo gỡ mọi sự hệ lụy và gông cùm cho thân.

Mỗi khi tâm ta đã có sự tự do, đã có giải thoát, thì việc thân thể bị gông cùm, bị xiềng xích không còn là quan trọng nữa. Trước sau gì thân cũng được tự do, giải thoát, bởi vì mọi sự tự do và giải thoát của thân hoàn toàn tùy thuộc vào sự tự do và giải thoát của tâm.

Đây là một sự thật mà ta có thể thực tập để chứng nghiệm lời dạy của Kinh.

---o0o---

1.7 Vượt Khỏi Nạn Giặc Cướp:

Kinh nói: “Nếu trong tam thiên đại thiên thế giới đầy cả giặc cướp, có một thương chủ cầm đầu đoàn đi buôn, mang cầm vàng bạc quý trọng đi qua con đường hiểm; trong đoàn có một người xưng lên rằng: Hỡi các thiện nam tử, đừng sợ hãi, chúng ta hãy cùng nhau hết lòng xưng trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm! Vị Bồ Tát này có khả năng ban cho chúng sanh sự không sợ hãi. Chúng ta chấp trì danh hiệu của Ngài, thì sẽ thoát khỏi giặc cướp trên con đường hiểm này. Đoàn người đi buôn nghe nói, tất cả đồng thanh phát lên lời trì niệm Nam Mô Bồ Tát Quán Thế Âm. Do xưng trì danh hiệu của vị Bồ Tát này mà tức khắc vượt thoát được nạn giặc cướp”.

Nạn giặc cướp là nạn cướp của, giết người. Con đường hiểm là trên con đường ấy, thường xảy ra tai nạn giết người, cướp của. Trong tình trạng đường hiểm, giặc cướp đón đường mà trong đoàn có một người xưng lên rằng, đừng sợ hãi, chúng ta cùng nhau xưng niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, thì chúng ta sẽ thoát khỏi hiểm nạn này. Và tất cả mọi người đều đồng thanh niệm danh hiệu Nam Mô Bồ Tát Quán Thế Âm, tức thời họ đều thoát nạn.

Ở đây, con đường hiểm là bóng đêm, giặc cướp là những người thường hoạt động trong bóng đêm, chúng ta đi trong bóng đêm mà có dụng cụ của ánh sáng, lại cùng nhau có sức mạnh của đức Tin, có Niệm lực, có Tuệ lực và cùng nhau biểu hiện đức tin, biểu hiện niệm lực, biểu hiện tuệ lực, xưng niệm danh hiệu của đức Bồ Tát Quán Thế Âm, thì chẳng khác nào, đi trong bóng đêm lại có ánh sáng bảo hộ, đối diện với giặc cướp lại có thiện pháp và thiện thần bảo hộ, làm cho giặc cướp tự nó rút lui không dám tung hoành, đây là điều mà chúng ta có thể lý giải được.

Ở mặt đạo lý, con đường hiểm là con đường sinh tử, giặc cướp là những tâm sở bất thiện ngày đêm hoạt động một cách tự do ở nơi tâm thức của mỗi chúng ta, chúng cướp hết thầy thiện pháp nơi tâm ta và giết chết giới thân tuệ mạng của mỗi chúng ta, khiến cho chúng ta không đi đến nơi an lạc của Niết Bàn. Trong tình trạng ấy, ta có bậc Thầy với Giới Định Tuệ vững chãi, khuyên ta nên niệm trì danh hiệu của đức Bồ Tát Quán Thế Âm, thì ta có thể thoát khỏi sự quấy phá của đám giặc phiền não trên con đường hiểm sinh tử ấy, để bảo toàn giới thân tuệ mạng mà đi đến bờ bến Niết bàn.

Bậc Đạo Sư dạy ta niệm danh hiệu đức Bồ Tát Quán Thế Âm là giúp ta đưa chủ thể năng niệm nhập vào đối tượng sở niệm, tức là nhập vào đại bi và đại trí của Bồ Tát Quán Thế Âm, khiến cho chất liệu đại bi và đại trí của Bồ Tát Quán Thế Âm có mặt trong tâm trí của ta, soi chiếu vào tâm thức ta,

khiến đám giặc phiền não trong tâm thức ta tự tan biến, trả lại sự yên tĩnh và tự do cho tâm hồn ta, khiến ta vượt qua được con đường hiểm của sinh tử mà đi về quê hương Niết Bàn một cách như ý.

Như vậy, niệm danh hiệu của đức Bồ Tát Quán Thế Âm, không những giúp ta vượt thoát được những tình trạng tệ nạn của xã hội, mà còn vượt thoát khỏi tệ nạn của tâm thức chúng ta nữa. Những tệ nạn của xã hội, chúng luôn luôn gắn liền với những tệ nạn của tâm thức. Những tệ nạn xã hội, chúng sinh khởi từ những tệ nạn của tâm thức, nếu tâm thức cá nhân và cộng đồng hoạt động trong sự yên tĩnh và thương yêu, thì mọi sinh hoạt xã hội tự nó đi về hướng tốt đẹp, và nhất định những tệ nạn của xã hội càng ngày càng giảm thiểu và sẽ chấm dứt.

---o0o---

2. Chuyển Hóa Ba Căn Bản Phiền Não

Kinh nói: “Nếu có chúng sanh tính nhiều dâm dục mà thường xuyên niệm trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm một cách cung kính, thì liền thoát được tính ấy.

Nếu có chúng sanh tính nhiều sân hận, mà thường xuyên niệm trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm một cách cung kính, thì liền thoát được tính ấy.

Nếu có chúng sanh tính nhiều ngu si, mà thường xuyên niệm trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm một cách cung kính, thì liền thoát được tính ấy”.

Tham dục, sân hận và ngu si là ba thứ phiền não căn bản, liên hệ trực tiếp với ý nghiệp và qua ý nghiệp tác động lên thân nghiệp và ngữ nghiệp để tạo ra muôn ngàn tội lỗi dẫn đến khổ báo.

Dâm dục là một năng lực hoạt động sinh tồn của hết thảy chúng sanh ở trong dục giới. Năng lực ấy hoạt động không phải chúng do tác động và sinh khởi bởi những yếu tố thuần sinh học, mà chính chúng được tác động bởi những năng lượng hay ý chí sinh tồn, thèm khát và hưởng thụ có nội dung tâm lý.

Chính ý chí sinh tồn, thèm khát và hưởng thụ là tác nhân và những năng lượng vật lý hay sinh học là tác duyên làm điều kiện cho tác nhân sinh khởi.

Do đó, ta phải biết quản lý khả năng sinh tồn của chúng ta, ta không đẩy khả năng sinh tồn ấy đi về phía thấp kém, mà phải biết cách chuyển hóa khả năng sinh tồn ấy đi lên với những sinh hoạt cấp cao.

Ta phải biết đưa khả năng sinh tồn trong ta đi lên theo lý tưởng, bản hạnh và bản nguyện của Bồ Tát Quán thế Âm. Ta niệm trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm một cách cung kính, là ta có khả năng quản lý nguồn năng lượng sinh tồn của ta, và đẩy nguồn năng lượng sinh tồn ấy, đi lên với lý tưởng Từ bi, với bản nguyện cứu khổ, với bản hạnh độ đời của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì năng lượng sinh tồn ấy, không còn là năng lượng bức bách và não hại ta, mà nó giúp ta thăng hoa trong cuộc sống.

Do đó, ta phải biết chăm sóc năng lượng sinh tồn trong ta bằng chất liệu Từ bi và Trí tuệ của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì chắc chắn tính dục, hay nguồn năng lượng sinh tồn trong ta sẽ được chuyển hóa và sẽ nhập vào nguồn năng lượng của đại bi và đại trí của Bồ Tát Quán Thế Âm. Vấn đề này, không phải là lý luận hay lý thuyết mà là vấn đề của thực tập, thực nghiệm, chứng nghiệm và tự tri.

Nguồn năng lượng dâm dục vốn không có tự tính, chúng sinh khởi theo duyên, thì chúng tùy diệt hay chuyển hóa cũng theo duyên. Niệm trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, khiến cho các duyên đại bi và đại trí, đại nguyện và đại hạnh sinh khởi trong ta, làm thay đổi và chuyển hóa nguồn năng lượng sinh học thấp kém trong ta là điều có thể nhìn thấy, tiếp xúc và thực tập.

Sân hận cũng là một nguồn năng lượng thuộc về những hạt giống bất mãn đang vận hành trong tâm thức của mỗi chúng ta. Người nào có nhiều năng lượng này, người đó trong đời sống của họ có rất nhiều bất mãn và khổ đau. Và chỉ có nguồn năng lượng của thương yêu, hỷ xả và bao dung mới có thể dập tắt và hóa giải nguồn năng lượng giận dữ của tâm thức này.

Sự chấp ngã càng lớn, thì sự kiêu mạn và giận dữ càng nhiều. Do đó, khi giận dữ khởi lên trong tâm thức ta, ta phải nhớ ngay đến Bồ Tát Quán Thế Âm và niệm danh hiệu của Ngài một cách cẩn trọng, để cho năng lượng Từ Bi, Hỷ Xả và Bao Dung của Ngài xâm nhập vào tâm ta, tác động hạt giống Từ Bi, Hỷ Xả và Bao Dung vốn có nơi tâm ta khởi dậy, để chúng hóa giải nguồn năng lượng giận dữ đang hoạt động và biểu hiện nơi tâm thức ta, khiến cho nguồn năng lượng giận dữ ấy lắng yên và từ từ tan biến.

Tâm ta không còn giận dữ, thì lời nói và hành động của ta không còn tạo nên những oán kết và đổ vỡ cho bản thân, gia đình và xã hội.

Nguồn năng lượng giận dữ trong tâm ta, chúng vốn không có tự tánh, chúng biểu hiện do sự liên hệ giữa những tác nhân và tác duyên chấp ngã mà sinh khởi, do đó chúng sinh khởi do duyên, thì chúng tùy diệt hay chuyển hóa cũng theo duyên và do duyên.

Bởi vậy, khi trong ta có quá nhiều tính sân hận, thì phải thường xuyên niệm trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm là vị Bồ Tát có nguồn năng lượng Trí tuệ và Từ bi bao trùm cả pháp giới, khiến cho nguồn năng lượng ấy của Ngài, có cơ hội đi vào tâm thức ta và chuyển hóa những hạt giống giận dữ, sân hận trong tâm thức ta, thành Từ bi và Trí tuệ.

Năng lượng Trí tuệ và Từ bi của Bồ Tát Quán Thế Âm châu biến cả pháp giới là tha lực, là ngoại duyên, ta chấp trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm một cách thành khẩn để hạt giống Trí tuệ và Từ bi trong tâm thức ta phát khởi là tự lực, là nội nhân và nội duyên.

Tự lực và tha lực, nội nhân và ngoại duyên tác động lên nhau, phối hợp cùng nhau, chắc chắn những hạt giống giận dữ, sân hận trong tâm thức ta sẽ được thay thế và hóa giải bởi năng lượng Từ bi cao đẹp ấy.

Ngu si cũng là một nguồn năng lượng ô nhiễm căn bản của tâm thức. Tự mình sai lầm, không phân định được chánh tà, thiện ác, chân vọng, người như vậy gọi là ngu. Làm cho người khác mê lầm, không biết thế nào là chánh tà, thiện ác, chân vọng, đúng sai, người như vậy gọi là si. Ngu mà cộng với si, thì chỉ lao đầu vào bóng tối, rớt xuống vực thẳm, nhảy vào vạc dầu sôi, sa vào lò lửa lớn để tự thiêu, tự đốt, tự hại lấy mình.

Sống với thân trâu ngựa, bị kéo cày, chở nặng, chết bị phanh thây, chưa phải là khổ, cái khổ đích thực là do ngu si vô trí đem lại.

Với người nhiều ngu si như vậy, nếu chấp trì danh hiệu Bồ Tát Quán thế Âm một cách thành khẩn, thì sự ngu và si ấy cũng từ từ được chuyển hóa.

Tại sao? Do ta tha thiết trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, nên tâm ta từ từ có định, và mỗi khi tâm ta đã có định lực, thì tuệ sẽ có cơ sở để sinh khởi. Ánh sáng trí tuệ trong tâm ta phát sinh, thì sự ngu si trong tâm ta từ từ xóa sạch.

Do đó, nếu ta có quá nhiều ngu si, ta chỉ cần chấp trì danh hiệu của vị Bồ Tát này, thì ta cũng phát sinh được trí tuệ. Niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm là tác duyên để cho tâm ta được đi vào thiền định và dẫn khởi trí tuệ.

Như vậy, chúng ta thấy, chấp trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, không những giúp cho ta chuyển hóa khổ quả mà còn chuyển hóa khổ nhân, không những giúp ta làm thay đổi Khổ đế mà còn thay đổi Tập đế.

Bảy tai nạn được đề cập ở trước là khổ quả hay Khổ đế, ba căn bản phiền não gồm tham dục, sân hận, ngu si là khổ nhân hay Tập đế.

Biết khổ và muốn vượt thoát khổ đau là phải đoạn trừ nhân duyên sinh khởi chúng. Biết bảy tai nạn gồm lửa, nước, gió, quỷ La Sát, hình sự, quỷ Dạ Xoa, gông cùm tù tội, oán tặc, là những tai nạn của sinh tử, thì ta phải nỗ lực tu tập để đoạn trừ những độc tố căn bản của tâm là tham, sân, và si, chính từ nơi ba độc tố này, mà gây ra bảy tai nạn ở trên và có thể gây ra vô số tai nạn khác nữa.

Bởi vậy, ở phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa này, Bồ Tát Quán Thế Âm không những mở rộng cánh cửa, đưa ta đi vào thế giới của Khổ đế để thấy đủ thứ tai nạn, mà cũng còn mở rộng cánh cửa của Tập đế, để giúp ta thấy rõ những tập khởi của khổ đau, và cũng giúp ta thấy rõ con đường diệt khổ tức là Đạo để qua Tín căn và Tín lực, Tấn căn và Tấn lực, Niệm căn và Niệm lực, Định căn và Định lực, Tuệ căn và Tuệ lực.

Hãy tin vào uy lực và bản nguyện hóa độ của Bồ Tát Quán Thế Âm, đó là Tín căn và Tín lực; hãy nỗ lực nắm lấy danh hiệu của Ngài để trì niệm, khiến cho những điều ác trong ta chưa sanh, thì không thể sanh; khiến cho những điều ác trong ta đã sanh liền bị hủy diệt; khiến cho những điều thiện trong ta chưa phát sanh liền phát sanh và những điều thiện trong ta đã phát sanh liền tăng trưởng liên tục, đó là Tấn căn và Tấn lực; hãy nắm lấy danh hiệu của Ngài, khiến danh hiệu ấy càng lúc càng hiện rõ và duy trì vững chãi trong sự trong sáng của ý thức và biểu hiện cụ thể qua các quan năng, và hãy duy trì nó qua các động tác đi đứng nằm ngồi hay mọi phong thái hoạt động, đó là Niệm căn và Niệm lực. Niệm căn và niệm lực như vậy, cho đến khi tâm ta không còn bị hôn trầm, dao động, nghi ngờ và sợ hãi, đó là Định căn và Định lực. Định căn và Định lực như vậy, cho đến khi những khát ái, những chấp thủ, những tạo tác, những chủng tử luân chuyển tử sinh không còn hiện khởi, những vô minh và bóng dáng của nó đều bị xóa sạch, bấy giờ

thấy rõ tự thân của thực tại, ấy là Tuệ căn và Tuệ lực. Và ngay khi đó, Thánh đạo vô lậu sinh khởi, liền thoát khỏi tai nạn sinh tử và được giải thoát, đó là thành tựu Diệt đế, bấy giờ Khổ đế và Tập đế hoàn toàn vắng bật.

Cho nên, phẩm Phổ môn của kinh Pháp Hoa đã giúp cho ta có cách nhìn từ cạn tới sâu, từ thấp tới cao, từ thô đến tế, từ tinh đến diệu, và từ một điểm cho đến châu biến cả pháp giới. Nên, ở trong pháp giới, ai cũng có thể thọ trì đọc tụng thực tập kinh Pháp Hoa và ai cũng có thể trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm cả, vì danh hiệu ấy là danh hiệu của mọi pháp môn và là danh hiệu của Đại Bi và Đại Trí, có năng lực nắm giữ và duy trì hết thảy thiện pháp.

---o0o---

3. Thỏa Mãn Hai Ước Nguyện

Kinh nói: “Giả sử, nếu có người nữ nào muốn cầu con trai mà lễ bái cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, thì liền sanh con trai, vừa có phước đức và vừa có trí tuệ.

Giả sử, nếu có người nữ nào muốn cầu con gái mà lễ bái cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, thì liền sanh con gái đẹp, đoan chánh, có gốc rễ phước đức đã gieo trồng từ trước và đều được mọi người thương quý”.

Một trong những nỗi khổ của người nữ là khi lập gia đình mà không có con, hoặc có con mà chỉ là trai, hoặc chỉ là gái, hoặc trai và gái đều không có phước đức, trí tuệ, tướng hảo và đoan chính.

Như vậy, dù có sinh con hay không sinh con vẫn không được như ý muốn, vẫn đau khổ cả.

Bất như ý là một trong tám nỗi khổ đau thuộc về Khổ đế.

Để giải quyết Khổ đế này, phẩm Phổ môn kinh Pháp Hoa giúp cho người nữ sinh con theo ý muốn, qua đức tin cúng dường và lễ bái đối với Bồ Tát Quán Thế Âm.

Tín và Kính là hai chất liệu quý báu vốn có nơi tâm thức của mỗi chúng ta, nhưng do vọng niệm, do không có chánh niệm, khiến cho hai chất liệu ấy không thể biểu hiện.

Nên, khi người nữ tín và kính Bồ Tát Quán Thế Âm, biểu lộ và nuôi dưỡng sự tín kính ấy của họ, qua sự lễ bái và cúng dường đối với Ngài, thì phước đức, trí tuệ, tướng hảo và sự đoan chánh của người nữ sẽ phát sinh và lớn mạnh, cộng thêm sự gia trì lực của Bồ Tát Quán Thế Âm, khiến cho người nữ ấy, có khả năng sinh con trai hoặc con gái theo ý muốn.

Lại nữa, từ nơi chất liệu tín và kính qua sự lễ bái, cúng dường đối với Bồ Tát Quán Thế Âm của người nữ, khiến cho phước đức, trí tuệ, tướng hảo và sự đoan chánh của họ sinh khởi phối hợp với sức Từ bi và nguyện lực của Bồ Tát Quán Thế Âm đang châu biến pháp giới làm tác duyên, khiến cho trung âm thân của những Thánh giả Nhất lai, hoặc Thất lai, hoặc của những vị Bồ Tát muốn thác hóa vào thân thể nhân loại để độ sinh, thì những vị ấy liền thác sinh vào làm con trai phước đức, trí tuệ hoặc là con gái tướng hảo đoan chánh của những người nữ có lòng tín kính đối với Bồ Tát Quán Thế Âm ấy.

Đây là điều không phải chỉ giải thích bằng đức tin mà ta cũng có thể giải thích nó về mặt tâm học và khoa học nữa.

Như vậy, việc sinh con theo ý muốn đã được kinh Pháp hoa đề xuất và có phương pháp thực hiện, nhưng với việc sinh con theo ý muốn, gần đây khoa học mới đề xuất và đã có những công trình thực nghiệm.

---o0o---

4. Ba Mươi Ba Ứng Thân

Phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa có nêu ra Bồ Tát Quán Thế Âm biểu hiện ba mươi ba ứng thân thích hợp với căn cơ, nghiệp chủng, y báo, chánh báo của từng chủng loại trong mười pháp giới chúng sanh để thuyết pháp, nhằm biểu thị rằng, Bồ Tát Quán Thế Âm là vị Bồ Tát đã đạt đến Lý, Sự tương dung. Nên đối với Lý tánh, hết thấy chúng sanh nương nơi Ngài mà thể nhập và đối với sự tướng, thì hết thấy chúng sanh nương nơi Ngài mà biểu hiện. Tuy, biểu hiện sự tướng mà không làm trở ngại bất cứ một sự tướng nào của chúng sanh trong toàn thể vũ trụ.

Kinh nêu rõ ba mươi ba ứng thân thích hợp là chỉ tiêu biểu, chứ thật ra chúng sanh trong mười phương pháp giới có bao nhiêu thể loại, có bao nhiêu tánh chất, có bao nhiêu sắc tướng, có bao nhiêu năng lực, có bao nhiêu nhân, có bao nhiêu duyên, có bao nhiêu quả, có bao nhiêu nghiệp báo, thì Bồ Tát

Quán Thế Âm có khả năng biểu hiện bấy nhiêu thân thể để diễn thuyết diệu pháp nhằm khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến cho hết thảy họ.

Nên, ở phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa, Bồ Tát Vô Tận Ý đã hỏi Đức Thế Tôn, việc du hóa của Bồ Tát Quán Thế Âm nơi cõi Ta Bà là như thế nào, và Bồ Tát Vô Tận Ý đã được Đức Phật nêu ra cụ thể ba mươi ba ứng thân của Bồ Tát Quán Thế Âm du hóa trong cõi Ta Bà.

Đức Phật nêu rõ các ứng thân của Bồ Tát Quán Thế Âm như vậy, là nhằm biểu thị khả năng hoằng truyền kinh Pháp Hoa một cách phổ cập và sinh động của vị Bồ Tát này. Đồng thời không những giúp cho Bồ Tát Vô Tận Ý thấy rằng, chúng sanh có bao nhiêu ý niệm thì Bồ Tát Quán Thế Âm có bấy nhiêu hình thể thiên định để nhiếp phục ý niệm ấy. Và nếu chúng sanh có vô tận ý, thì bản nguyện độ sinh của Bồ Tát cũng vô cùng, mà ứng thân của Bồ Tát cũng vô tận.

Nên, trong bài học ứng thân của Bồ Tát Quán Thế Âm đã giúp ta hiểu thêm các mặt như sau:

1. Bất cứ hình thức nào ta cũng có thể giảng kinh Pháp Hoa.
2. Bất cứ hình thức nào ta cũng có thể nghe kinh Pháp Hoa.
3. Bất cứ hình thức nào ta cũng có thể sống và thực hành kinh Pháp Hoa.

Vì sao? Vì kinh Pháp Hoa là kinh chỉ rõ diệu pháp ở nơi các pháp để cho chúng sanh thấy, biết mà ngộ nhập, nên kinh Pháp Hoa là kinh của tất cả pháp và là kinh đem lại quyền lợi cao nhất cho hết thảy chúng sanh, nên kinh ấy là kinh của chúng sanh, và hết thảy chúng sanh đều có bổn phận phải giữ gìn, đọc tụng, hành trì, tuyên thuyết và truyền bá cùng khắp.

---o0o---

3. PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH

Phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa có nêu lên các phương pháp thực hành như sau:

1-Giới học Phổ Môn

Bài kệ sau đây là tiêu biểu cho giới học Phổ Môn:

“ Bi thể giới lôi chân

Từ ý diệu đại vân

Chú cam lồ pháp vũ

Diệt trừ phiền não diệt”.

Nghĩa là:

Giới pháp thể đại bi

Khởi thân vang như sám

Diệu pháp tâm đại từ

Như mây lớn phủ khắp

Rưới mưa pháp cam lồ

Dập tắt lửa phiền não.

Giới pháp của Phổ Môn, giới pháp ấy từ nơi bản thể đại bi do đại nguyện vô tận của ý, đại thể vô tận của ngữ và đại hạnh vô tận của thân mà sinh khởi và thành tựu.

Nên, Giới pháp này được gọi là Giới pháp Phổ môn.

Giới pháp Phổ Môn lấy tâm đại bi làm bản thể; lấy tâm đại từ làm dụng; lấy hết thảy các tướng làm thân tướng cứu độ và sử dụng hết thảy âm thanh làm đối tượng quán âm để diễn bày diệu pháp.

Do đó, Giới Học Phổ Môn không phải chỉ giới hạn trong một thời mà tất cả thời. Không phải chỉ giới hạn trong một xứ mà tất cả xứ, không phải chỉ giới hạn trong một thân mà tất cả thân, không phải chỉ giới hạn trong một chủng loại mà tất cả chủng loại.

Như vậy, ta hành trì theo Giới Học Phổ Môn, thì bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu và bất cứ biểu hiện thân gì, ta đều hành động theo bản thể đại bi và theo tâm ý đại từ, để dập tắt phiền não cho hết thảy chúng sanh, đem lại sự an lạc cho muôn loài.

---o0o---

2-Định Học Phổ Môn

Bài kệ sau đây là tiêu biểu cho Định Học Phổ Môn:

“Chân quán, thanh tịnh quán,
Quảng đại trí tuệ quán,
Bi quán cập từ quán,
Thường nguyện, thường chiêm ngưỡng”.

Nghĩa là:

Quán chiếu đúng sự thật

Quán chiếu thật thanh tịnh

Quán chiếu trí tuệ lớn

Quán chiếu bằng đại bi

Quán chiếu bằng đại từ

Thường ước nguyện tu tập

Thường chiêm nghiệm ngưỡng mộ.

Trong bài kệ này đã đưa ra năm phương pháp thiền quán hay Định Học Phổ Môn như sau:

---o0o---

2.1 Chân Quán:

Chân là chân thật, sự thật. Quán là nhìn sâu vào đối tượng. Đối tượng để cho ta nhìn sâu vào có thể là thân thể, có thể là các cảm giác, có thể là chủng tử tâm hành, có thể là các pháp ngoài tâm như sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp, và cũng có thể là các pháp ở nội tâm, như những ảnh tượng của sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp đang tồn đọng trên tâm, hoặc đã thành chủng tử và đang chìm sâu vào tàng thức. Và đối tượng để nhìn sâu ấy, cũng có thể là tổng thể của năm uẩn hay tự thân của mỗi uẩn.

Như vậy, Chân Quán là nhìn sâu vào các đối tượng để phát hiện sự thật đang có mặt ở nơi những đối tượng ấy.

Sự thật ở nơi các đối tượng mà Chân Quán Phổ Môn phát hiện là:

Hết thấy pháp không có pháp nào có tự thể thực hữu.

Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, và hạt giống Phật cũng sinh khởi do duyên.

Giáo pháp trong tam thừa là do đức Phật vận dụng, nên chúng là giả lập.

Nhất thừa pháp là pháp cứu cánh, pháp chân thật của chư Phật giáo hoá.

Bản thể chân như ở nơi các pháp đang sinh diệt của thế gian là bất diệt, nên bản thể tịch diệt của thế gian là bản thể thường trú, do đó đức Phật nói Nhất thừa để làm cho chúng sanh thấy được bản thể chân như ấy mà ngộ nhập.

Nên, Chân Quán là pháp quán của Phổ Môn, pháp quán ấy làm cho hành giả Pháp Hoa thường ước nguyện tu tập, thường ngưỡng mộ và thường chiêm nghiệm

---o0o---

2.2 Thanh Tịnh Quán:

Thanh Tịnh là trong sạch, trong sáng, không còn dơ bẩn.

Thanh Tịnh Quán là sự quán chiếu có nội dung thanh tịnh. Sự quán chiếu trong suốt, sự quán chiếu không còn bị vô minh, khát ái, chấp thủ và nghiệp hữu làm vẩn đục. Và thanh tịnh quán là quán chiếu để thấy rõ bản thể vắng lặng ở nơi mọi sự hiện hữu.

Thanh Tịnh Quán là sự quán chiếu trong suốt, không bị ngã tưởng ngăn ngại.

Do đó, Thanh Tịnh Quán là sự quán chiếu thấy rõ:

Giới thể đại bi là giới thể hoàn toàn thanh tịnh và châu biến pháp giới.

Báo thân và ứng hóa thân từ nơi pháp thân thanh tịnh mà hiện khởi để hóa độ chúng sanh.

Tích môn và hạnh môn từ nơi bản môn mà hiện khởi.

Phật tính là bản nguyên tự tánh thanh tịnh của hết thảy chúng sanh.

Và bản thể của các pháp xưa nay thường thanh tịnh và vắng lặng.

Nên, Thanh Tịnh Quán là pháp quán của Phổ Môn, pháp quán ấy là xuyên suốt mọi pháp quán, khiến cho tâm của hành giả vẫn thường trú trong Niết Bàn mà thân của hành giả thì phổ biến cùng khắp cả mười phương để hóa độ chúng sanh mà vẫn không rời đương xứ tịch diệt.

Do đó, pháp quán này là pháp quán mà hành giả Pháp Hoa thường ước nguyện tu tập, thường ngưỡng mộ và chiêm nghiệm.

---o0o---

2.3 Quảng Đại Trí Tuệ Quán:

Quảng Đại Trí Tuệ là trí tuệ rộng lớn. Trí tuệ rộng lớn là Đại Bát Nhã.

Quảng Đại Trí Tuệ Quán là sự quán chiếu bằng trí tuệ rộng lớn.

Quán chiếu bằng trí tuệ rộng lớn, không những thấy tự tánh của năm uẩn là không, mà còn thấy tự thân của mỗi uẩn cũng đều là không, vốn không có tự tánh.

Do đó, Quảng Đại Trí Tuệ Quán là sự quán chiếu thấy rõ:

Ngã và pháp đều không

Thực tướng của các pháp là tịch diệt tướng, vô tướng, hay là không tướng.

Phiền não và Bồ đề không phải là hai thực thể tách biệt.

Niết Bàn và sinh tử, Phật và chúng sanh là hai mặt biểu hiện của tâm.

2.4 Bi Quán:

Bi là đại bi, là khả năng cứu độ rộng lớn. Khả năng cứu độ ấy, không phải trong một chủng loại mà hết thảy chủng loại, không phải trong một phương mà khắp cả mười phương, không phải một pháp giới mà cả thập pháp giới. Khả năng cứu độ như vậy gọi là đại bi

Như vậy, Bi Quán là khả năng quán chiếu để thực hiện hạnh nguyện cứu độ rộng lớn, cứu độ toàn diện và cùng khắp.

Nên, Bi Quán là khả năng quán chiếu, để thấy rõ thể tánh chơn như giữa chủ thể cứu độ và đối tượng được cứu độ không phải là hai, chúng thiệp nhập vào nhau và nhất thể.

Do đó, Bi Quán là khả năng quán chiếu để xâm nhập vào thể tính bất nhị của pháp giới; và thường trú trong thể tính bất nhị ấy, mà biểu hiện thân tướng và bản nguyện để cứu khổ chúng sanh khắp cả pháp giới. Do Bi Quán mà khởi lên hạnh nguyện: “Tự tánh phiền não thế nguyện đoạn và đoạn trừ vô tận phiền não”.

Nên, Bi Quán là pháp quán của Phổ Môn, pháp quán ấy làm cho hành giả Pháp Hoa thường ước nguyện tu học, thường ngưỡng mộ và chiêm nghiệm.

2.5 Từ Quán:

Từ là đại từ, là khả năng thương yêu và hiến tặng niềm vui rộng lớn cho tất cả muôn loài.

Khả năng ấy, không phải chỉ đối với một chủng loại mà hết thảy cả muôn loài; không phải chỉ đối với một phương mà khắp cả mười phương; không phải chỉ đối với một pháp giới mà khắp cả mười pháp giới. Khả năng thương yêu và hiến tặng niềm vui như vậy, gọi là đại từ.

Như vậy, Từ Quán là khả năng quán chiếu để thực hành hạnh nguyện thương yêu rộng lớn, toàn diện và cùng khắp, đem lại sự an lạc cho hết thảy chúng sanh.

Nên, Từ Quán là khả năng quán chiếu và ôm ấp nỗi đau và Bi Quán là khả năng quán chiếu để chuyển bạt nỗi đau thành những chất liệu hạnh phúc an lạc cho chúng sanh.

Bi Quán là bản thể cứu độ và Từ quán là tác dụng của sự cứu độ; Bi quán có khả năng đoạn trừ Tập đế, từ quán có khả năng đoạn trừ Khổ đế.

Do đó, Từ Quán là khả năng quán chiếu để xâm nhập vào mọi hiện trạng khổ đau của toàn thể chúng sanh trong pháp giới, nhằm thấy rõ thể tính chơn như giữa chủ thể thương yêu và đối tượng được thương yêu không phải là hai thực thể tồn tại cá biệt, mà chúng tương tác lên nhau và có mặt trong nhau.

Phân đoạn sinh tử và biến dịch sinh tử là những nỗi sợ hãi thâm sâu, không phải là cá biệt mà là phổ biến cho hết thảy muôn loài, nên Từ Quán là khả năng mở rộng tấm lòng, mở rộng tầm nhìn và mở rộng vô số cánh tay để ôm ấp hết thảy chúng sanh đang bị những nỗi sợ hãi ấy vào lòng, vào nơi Từ nguyện của mình và dùng Từ tâm để xoa dịu và soi sáng; đồng thời dùng Bi quán để chuyển bạt không những những hạt giống vô minh, khát ái, chấp thủ tự ngã nơi tâm thức chúng sanh, mà còn chuyển bạt những hạt giống vô minh trụ địa, là những hạt giống lưu trú và lặn chìm tận đáy sâu tâm thức, nơi gốc rễ chế tác ra những vô minh, vọng tưởng về những ngã ái và pháp ái của chúng sanh nữa.

Nên, Từ Quán của Phổ Môn là khả năng biểu hiện vô số thân tướng tươi mát để đối thoại, chia sẻ và cảm thông với vô lượng nỗi khổ đau của chúng sanh, nhưng Bi quán của Phổ môn lại có khả năng biểu hiện vô số thân tướng hùng tráng để trực diện và thọc sâu vào tâm thức của chúng sanh, nhằm đánh bạt những sào huyệt tập khởi của chúng, nơi mà đã chế tác ra những chất liệu khổ đau.

Bi Quán có khả năng xóa sạch mọi vết thương lòng, mọi cấu uế của tâm và Từ quán lại có khả năng chăm sóc, khiến cho vết thương lòng không tái phát, và những cấu uế của tâm không còn điều kiện để biểu hiện.

Bởi, Từ Quán và Bi Quán của Phổ Môn là vậy, nên hành giả Pháp Hoa thường ước nguyện tu học, chiêm nghiệm và ngưỡng mộ pháp quán ấy.

---o0o---

3. Tuệ Học Phổ Môn

Tuệ Học Phổ Môn, ta thấy được diễn tả trong bài kệ sau đây:

“ Vô cấu thanh tịnh quang

Tuệ nhật phá chư ám,

Năng phục tai hỏa phong

Phổ minh chiếu thế gian”.⁵

Nghĩa là:

Ánh sáng trong không bẩn,

Mặt trời tuệ phá ám,

Điều phục nạn gió lửa,

Chiếu sáng khắp thế gian.

Bài kệ này nói lên Tuệ học của Phổ Môn. Tuệ học của Phổ Môn thanh tịnh, không ô nhiễm, nên không còn bị các phiền não làm chướng ngại và cũng không bị vô minh làm chướng ngại tuệ giác.

Nên, Tuệ học Phổ Môn có ba tác dụng cùng khắp và toàn diện:

---o0o---

3.1 Toàn diện đối với tâm:

Đối với tâm, Tuệ Học Phổ Môn có khả năng phá sạch hết phiền não chướng, sở tri chướng, đưa tâm trở lại với bản nguyên tự tánh thanh tịnh. Nên hai câu kệ đầu nói:

“Vô cấu thanh tịnh quang

tuệ nhật phá chư ám”.

“Vô cấu thanh tịnh quang” (ánh sáng trong, không dơ bẩn), là bản thể của tuệ giác, hay bản thể của tuệ học, và là bản thể của Niết Bàn tịch tịnh.

Do đó, “Vô cầu thanh tịnh quang” là một cách nói khác về Diệt đế.

Còn, “Tuệ nhật phá chư ám”, (mặt trời tuệ phá ám) là tác dụng của bản thể tuệ giác, hay tác dụng của bản thể tuệ học đối với các loại vô minh phiền não của chúng sanh trong pháp giới.

Hay nói cách khác, ấy là tác dụng của Diệt đế đối với Tập đế.

---o0o---

3.2 Toàn diện đối với cảnh:

Đối với cảnh, Tuệ Học Phổ Môn có khả năng tác động làm thay đổi cảnh khổ đau thành cảnh an lạc, cảnh tai nạn thành cảnh an toàn.

Nên, câu kệ thứ ba nói: “Năng phục tai phong hỏa” (điều phục nạn gió, lửa). Chỉ có Tuệ giác Phổ Môn mới có khả năng điều phục và chuyển hóa các tai nạn ở trong thế gian, mà câu kệ nêu lên hai tai nạn tiêu biểu là gió và lửa, nhưng tai nạn thâm sâu của thế gian là bị sinh tử, là sự sống chết không có tự do.

Tai nạn do lửa, nước, gió, quý, thiên tai, địa chấn, binh đao, vương nạn..., gốc vẫn từ nơi tham dục, sân hận, ngu si, chấp ngã của con người mà sinh ra.

Nên, điều phục và chế ngự các tai nạn ấy, chính là điều phục và chế ngự tâm xấu ác của con người, bằng Tuệ Giác Phổ Môn.

Với Tuệ Học Phổ Môn, ta điều phục và chế ngự các tai nạn thuộc Khổ đế bằng cách chế ngự và chuyển hóa những hạt giống gây ra tai nạn đang được huân tập và sinh khởi từ Tập đế.

Với sự điều phục và chế ngự như vậy, là sự chế ngự và điều phục tai nạn, điều phục Khổ đế có tính cách xuyên suốt và phổ biến từ nhân tới quả.

Đó là sự điều phục và chế ngự tai nạn của Tuệ Giác Phổ Môn.

Hay nói cách khác, đó là sự điều phục và chế ngự tai nạn của Đạo đế đối với Khổ đế và Tập đế.

---o0o---

3.3 Toàn diện đối với cả tâm và cảnh:

Tuệ Học Phổ môn soi chiếu cùng khắp tâm và cảnh của hết thảy chúng sanh trong pháp giới, đem lại lợi ích cho cả thế gian và xuất thế gian.

Nên, câu sau cùng của bài kệ là “Phổ minh chiếu thế gian” (chiếu sáng khắp thế gian), tuệ giác ấy soi chiếu một cách bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh trong pháp giới không có kỳ thị, phân biệt, không bị ngăn che bởi cái gì. Và ánh sáng ấy cũng soi chiếu một cách bình đẳng đối với các bậc Hiền Thánh ở trong các địa vị tu chứng, nhưng chúng sanh và các bậc Hiền Thánh, tùy theo nhân duyên của mình, mà tiếp nhận và tiêu thụ ánh sáng tuệ giác ấy để thay đổi tâm cảnh, chuyển hóa thân tâm, nhằm trở thành và thể nhập hoàn toàn với tuệ giác ấy.

Do đó, “Phổ minh chiếu thế gian” là tuệ giác soi chiếu cùng khắp, nên cả chủ thể và đối tượng soi chiếu đã thiệp nhập vào nhau và cùng khắp trong nhau, không còn có bất cứ một sự ngăn ngại nào.

“Phổ minh chiếu thế gian” là tuệ giác toàn diện, tuệ giác xuyên suốt, từ bản thể đến hiện tượng, từ tâm đến cảnh, từ pháp thân đến ứng hóa thân, từ nhân đến quả, từ thể tính nhất như mà xuyên suốt hết thảy vạn tượng.

Bởi vậy, Tuệ Học Phổ môn là tuệ học xuyên suốt và toàn diện cả bản thể lẫn hiện tượng, cả tâm lẫn cảnh, cả Phạm lẫn Thánh.

Ngoài bài kệ trên, ta còn có bài kệ nói rõ về sự thực tập Tuệ Học Phổ môn như sau:

“Diệu âm, Quán Thế âm,

Phạm âm, Hải Triều âm,

Thắng bỉ thế gian âm,

Thị cố tu thường niệm”.⁶

Nghĩa là:

Tiếng nhiệm, tiếng nhìn đời

Tiếng phạm, tiếng hải triều

Tiếng vượt hẳn thế gian

Nên phải thường quán niệm.

Bài kệ này giúp ta nắm phương pháp quán chiếu của Tuệ học:

1. Diệu Âm: là âm thanh màu nhiệm, âm thanh tinh tế và sâu thẳm.

Mọi âm thanh biểu hiện đều do duyên khởi không có tự tánh, và do không có tự tánh, nên mọi biểu hiện của mọi âm thanh đều là diệu hữu và vì là diệu hữu, nên âm thanh ấy gọi là Diệu Âm. Và chỉ có Diệu Âm mới diễn xướng diệu pháp.

Nên, hành giả Pháp Hoa phải lắng nghe mọi âm thanh phát ra từ các pháp duyên khởi, để thành tựu diệu trí, ngộ nhập diệu âm mà diễn xướng diệu pháp, và phổ cập diệu pháp đến cả muôn loài, nhằm khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến cho họ.

2. Quán Thế Âm: là âm thanh do nhìn cuộc đời mà diễn xướng; do quán chiếu về duyên khởi, về vô thường, về vô ngã mà nói ra; do quán chiếu về Khổ đế và Tập đế mà nói ra; do quán chiếu về Diệt đế và Đạo đế mà nói ra; do quán chiếu tính chất lưu chuyển và hoàn diệt của nguyên lý Mười hai duyên khởi mà nói ra; do quán chiếu năm uẩn đều không có tự tánh mà nói ra; do quán chiếu tự tánh thanh tịnh của Lục độ mà nói ra; do quán chiếu Bồ đề hiện khởi từ phiền não mà nói ra; do quán chiếu Niết bàn có mặt ở trong sinh tử mà nói ra và do quán chiếu mà thấy hết thấy chúng sanh đều có Phật tính và đều có khả năng thành Phật mà nói ra. Tiếng nói phát ra từ sự quán chiếu như vậy, gọi là Quán Thế Âm.

Như vậy, Quán Thế Âm là tiếng nói nhìn vào cuộc đời mà nói, trực diện với cuộc đời mà nói, nói đúng với tự thân của mọi sự hiện hữu giữa cuộc đời.

Tiếng nói như vậy là tiếng nói của chân trí đã thể nhập chân lý. Và trí lý bất nhị.

Nên, hành giả Pháp Hoa, phải học tiếng nói nhìn cuộc đời mà nói, để ngay nơi tiếng nói ấy là tiếng nói của diệu pháp, tiếng nói của Pháp Hoa, tiếng nói có khả năng khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến cho hết thấy muôn loài.

3. Phạm Âm: là âm thanh giống Phạm thiên. Theo Bà La Môn giáo, Phạm Thiên là chúa tể sinh ra muôn loài, nên âm thanh của Phạm Thiên là âm thanh trong sạch và là khởi điểm của mọi âm thanh.

Nhưng, Phạm âm của Phổ Môn không phải hiểu theo nghĩa ấy.

Phạm âm của Phổ Môn là tiếng nói chân thật, tiếng nói đúng với thể tính chân như, đúng với giới thể đại bi, với thân tướng đại từ, với những hành động đại hỷ và đại xả.

Do đó, Phạm âm là tiếng nói phát ra từ bản thể đại bi. Ấy là tiếng nói của bình lặng và hùng tráng, có khả năng khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến cho hết thảy muôn loài.

Đây là tiếng nói mà hành giả Pháp Hoa phải thường học tập và quán chiếu để thể nhập, nhằm tuyên diễn diệu pháp, khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến cho hết thảy chúng sanh.

4. Hải Triều Âm: là âm thanh của sóng biển, tiếng nói của sóng biển, là tiếng nói sinh động phát ra từ pháp giới trùng trùng duyên khởi. Nên, tiếng nói này, không làm trở ngại tiếng nói kia, tiếng nói kia không làm trở ngại tiếng nói này, chúng tương tác lên nhau mà âm thanh phát ra liên tục và vô tận.

Âm thanh như vậy, là đối tượng của trí quán, để phát hiện ra tính không, không làm trở ngại hữu, và tính diệu hữu không làm trở ngại không. Chính tính không là diệu hữu và chính diệu hữu là tính không, chúng tương dung, tương nhiếp với nhau.

Do tuệ quán đối với âm thanh của sóng biển như thế, mà thành tựu trí tuệ chân thật, trí tuệ toàn giác.

Đây là tiếng nói mà hành giả Pháp Hoa phải thường học tập, quán chiếu và thể nhập, để có khả năng diễn xướng diệu pháp nhằm khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến cho muôn loài.

5. Thắng Bỉ Thế Gian Âm: là âm thanh vượt hẳn mọi âm thanh ở trong đời. Ấy là âm thanh xuất thế.

Như đức Thế Tôn nói:

“Đây là Khổ, đây là Tập, đây là Diệt, đây là Đạo. Đây là Khổ nên biết, đây là Tập nên đoạn, đây là Diệt nên chứng, đây là Đạo nên tu. Đây là Khổ đã biết, đây là Tập đã đoạn, đây là Diệt đã chứng, đây là Đạo đã tu.

Đây là Mười hai duyên khởi, đây là phần lưu chuyển của Mười hai duyên khởi, đây là phần hoàn diệt của Mười hai duyên khởi.

Hoặc nói:

“Ta có sức phương tiện

khai thị pháp tam thừa

hết thầy Đấng Thế Tôn

đều nói đạo Nhất thừa.

Nay trong đại chúng này

hãy loại trừ nghi ngờ

lời chư Phật giống nhau

*chỉ có pháp Nhất Thừa”.*⁷

Nói bằng âm thanh như vậy, chính âm thanh ấy là âm thanh vượt hẳn mọi âm thanh của thế gian và xuất thế gian.

Những âm thanh như vậy, được nói lên từ trí tuệ của Bạc Toàn giác cho hết thầy chúng sanh và Hiền thánh trong pháp giới, nên những âm thanh ấy hành giả Pháp Hoa cần phải lắng nghe, học tập, quán chiếu để sinh khởi tuệ quán, nhằm khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến cho hết thầy chúng sanh trong pháp giới.

Trong năm loại âm thanh: Diệu Âm, Quán Thế Âm, Phạm Âm, Hải Triều Âm, Thắng Bỉ Thế Gian Âm, là sự phân định âm thanh theo từng loại đối tượng của tuệ quán.

Nhưng, ta quán chiếu cho thật sâu sắc, thì chúng là những âm thanh biểu hiện tùy theo mức độ thuần tịnh của tâm và mức độ sâu cạn của tuệ quán.

Ta lắng nghe và quán chiếu cho thật sâu sắc, ta sẽ nhận ra trong Diệu Âm lại có mặt của Quán Thế Âm, Phạm Âm, Hải Triều Âm và Thắng Bỉ Thế Gian Âm. Và ta lắng nghe và quán chiếu thật sâu sắc, thì trong mỗi âm đều có đủ các âm khác.

Do đó, năm loại âm thanh này là đối tượng của tuệ quán mà hành giả Pháp hoa phải luôn luôn ghi nhớ để thực tập, nhằm sinh khởi tuệ giác Nhất thừa, hoằng truyền kinh Pháp Hoa cho hết thảy căn cơ chúng sinh khắp mọi nơi chốn.

⁵ Những kệ tụng tóm thâu mọi ý nghĩa của Giới Học Phổ Môn, Định Học Phổ Môn, Tuệ Học Phổ Môn, được dẫn ra từ kệ tụng Phổ Môn do Bồ Tát Vô Tận Ý toát yếu để trình lên Đức Phật. Phổ Môn Phẩm, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Bản Hán dịch của Ngài La Thập, tr 58, Đại Chính 9.

⁶ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh⁷, tr 58, Đại Chính 9.

⁷ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, tr 8, Đại Chính 9.

---o0o---

4. TIN, HIỂU VÀ CẢM NHẬN

Đọc tụng, thọ trì và nghiên cứu Kinh Pháp Hoa, ta thấy rõ ở kinh Pháp Hoa không phải chỉ diễn tả về Bản Môn và Tích Môn, mà còn diễn tả về Hạnh Môn một cách linh hoạt và sống động nữa. Có những Nhà nghiên cứu Kinh Pháp Hoa cho rằng, mười bốn phẩm đầu là thuộc về Tích môn và tư tưởng chủ yếu của Tích Môn được gói trọn ở phẩm Phương Tiện, và mười bốn phẩm sau thuộc về Bản Môn, và tư tưởng chủ yếu được gói trọn ở phẩm Như Lai Thọ Lượng, nhưng ta đọc tụng, thọ trì và nghiên cứu kỹ, thì kinh Pháp Hoa không phải chỉ đề cập đến Bản Môn và Tích Môn mà còn đề cập đến Hạnh Môn nữa.

Phẩm Phổ Môn là một trong những phẩm diễn tả về Hạnh Môn của kinh Pháp Hoa. Và đọc tụng, thọ trì, nghiên cứu kỹ kinh Pháp Hoa, ta thấy trong mỗi phẩm của kinh Pháp Hoa đều hàm chứa đầy đủ cả Bản Môn, Tích Môn và Hạnh Môn. Ngay ở trong phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa, sự có mặt của Đức Phật Đa Bảo và Bảo tháp của Ngài là sự có mặt của Bản Môn. Và

Đức Phật Thích Ca trả lời những câu hỏi của Bồ Tát Vô Tận Ý về hạnh nguyện và uy lực của Bồ Tát Quán Thế Âm, đó là sự có mặt của Hạnh Môn ở trong Tích Môn và Bản Môn. Sự có mặt của Đức Phật Đa Bảo và Tháp của Ngài ở trong phẩm này là sự có mặt của Bản Môn, để ấn chứng cho những gì đang diễn ra và đang được trình bày của Đức Phật Thích Ca ở Tích Môn là đúng với Bản Môn. Nghĩa là Đức Phật Đa Bảo là Đức Phật Bản Môn đã ấn chứng cho những gì Đức Phật Thích Ca nói với Bồ Tát Vô Tận Ý, về Hạnh Môn của Bồ Tát Quán Thế Âm là đúng như tự thân và bản thể của chính nó.

Bồ Tát Vô Tận Ý, sau khi nghe Đức Phật Thích Ca nói về Hạnh Môn Pháp Hoa của Bồ Tát Quán Thế Âm, liền khởi tâm cung kính, cỡi ngay chuỗi ngọc châu Anh Lạc giá trị trăm ngàn lượng vàng mà cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, nhưng Bồ Tát Quán Thế Âm đã một mực từ chối không nhận. Bồ Tát Vô Tận Ý liền thưa với Bồ Tát Quán Thế Âm rằng: “Thưa Nhân giả! Xin Người hãy thương chúng tôi mà nhận chuỗi ngọc châu Anh Lạc này!”. Và bây giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng nói với Bồ Tát Quán Thế Âm rằng: “Bồ Tát hãy thương Bồ Tát Vô Tận Ý này, cũng như hãy thương bốn chúng gồm Ưu bà tể, Ưu bà di, Tỷ khưu, Tỷ Khưu Ni, hãy thương các Chúng Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, Nhân và phi nhân ..., mà hãy nhận lấy chuỗi ngọc châu Anh Lạc!

Bây giờ, Bồ Tát Quán Thế Âm, vì thương tứ chúng, cũng như hết thầy chúng sanh, mà nhận chuỗi ngọc châu Anh Lạc, và sau đó, Bồ Tát liền chia chuỗi ngọc châu Anh Lạc làm hai phần, một phần dâng lên cúng dường Đức Phật Thích Ca và một phần dâng lên cúng dường Tháp của Đức Phật Đa Bảo”.⁸

Sự cúng dường chuỗi ngọc châu Anh Lạc của Bồ Tát Vô Tận Ý là nói lên sự tin, hiểu và cảm nhận sâu xa của mình đối với Hạnh Môn Pháp Hoa của Bồ Tát Quán Thế Âm, sau khi Bồ Tát Vô Tận Ý đã nghe, Đức Phật Thích Ca giảng dạy về Hạnh Môn Pháp Hoa của vị Bồ Tát ấy. Và Bồ Tát Quán Thế Âm, vì thương Bồ Tát Vô Tận Ý, cũng như thương hết thầy chúng sanh, mà nhận chuỗi ngọc châu Anh Lạc và đã đem chuỗi ngọc châu Anh Lạc ấy, phân làm hai, một phần dâng lên cúng dường Đức Phật Thích Ca, và một phần dâng lên cúng dường Tháp của Đức Phật Đa Bảo. Chính hành động cúng dường ấy của Bồ Tát Quán Thế Âm, là để khai, thị, ngộ, nhập pháp tri kiến cho Bồ Tát Vô Tận Ý, khiến cho vị Bồ Tát này, tin và hiểu rằng: Hạnh Môn Pháp Hoa của Bồ Tát Quán Thế Âm, Bản Môn Pháp Hoa

của Đức Phật Đa Bảo và Tích Môn Pháp Hoa của Đức Phật Thích Ca là ba mặt của Một Thực Tại Siêu Việt. Thực Tại Siêu Việt ấy, chính là Nhất Thừa Phật Đạo. Và đồng thời cũng đã nói lên rằng: Bồ Tát Quán Thế Âm đã nhận chuỗi ngọc châu Anh Lạc từ Bồ Tát Vô Tận Ý, và Ngài đã dâng chuỗi ngọc ấy, lên cúng dường Đức Phật Thích Ca và Tháp của Phật Đa Bảo là để khai thị cho Bồ Tát Vô Tận Ý tin và hiểu rằng: Giữa đức Phật Bản Môn, Đức Phật Tích Môn và Bồ Tát Hạnh Môn chỉ là Một.

Trong Bồ Tát Hạnh Môn có Phật Bản Môn và có Phật Tích môn; trong Phật Bản Môn có Phật Tích Môn và có Bồ Tát Hạnh Môn, trong Phật Tích Môn có Phật Bản Môn và Bồ Tát Hạnh Môn, nên từ trong Bồ Tát Hạnh Môn, Bồ Tát Quán Thế Âm đang biểu hiện Bản Môn và Tích Môn, nhận chuỗi ngọc châu Anh Lạc cúng dường từ Bồ Tát Vô Tận Ý để dâng lên cúng dường Đức Phật Thích Ca và Tháp Phật Đa Bảo, nhằm hướng dẫn sự tu tập của vị Bồ Tát này hướng đến Nhất Thừa Phật Đạo.

Bồ Tát Vô Tận Ý ở trong phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa là tiêu biểu cho Bồ Tát Thừa; và Tứ chúng Tử khuru, Tử Khuru Ni, Ưu bà tấ, Ưu bà di là tiêu biểu cho Thanh văn Thừa, cũng như hết thảy Đại chúng Trời, Người, A tu la..., là tiêu biểu cho Thiên Thừa và Nhân Thừa, đều đã được Bồ Tát Quán Thế Âm hướng dẫn phát tâm hướng đến Nhất Thừa Phật Đạo. Và với Bồ Tát Hạnh Môn, Bồ Tát Quán Thế Âm đã từ chối nhận sự cúng dường chuỗi ngọc châu Anh Lạc của Bồ Tát Vô Tận Ý, nhưng đối với Bản Môn và Tích Môn, Bồ Tát Quán Thế Âm đã nhận chuỗi ngọc châu Anh Lạc để cúng dường Đức Phật Thích Ca và Tháp của Phật Đa Bảo, nhằm hiển thị rằng, mọi hoạt động của Bồ Tát là đều hướng đến Nhất Thừa Phật Đạo, mà không bị mắc kẹt ở nơi nhân và pháp của Bồ Tát Thừa. Nên, Bồ Tát Hạnh Môn chỉ là phương tiện của Phật Môn vậy.

Bởi vậy, Hạnh Môn của Bồ Tát Quán Thế Âm là Hạnh Môn luôn luôn gắn liền với hai chất liệu của Đại Bi và Đại Trí.

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh là tiêu biểu cho Hạnh Môn Đại Trí của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Bấy giờ, Bồ Tát Quán Thế Âm ở ngay giữa đại chúng, gọi Tôn giả Xá Lợi Phất mà tuyên thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh với tất cả Đại Trí của mình.

Theo Quảng bản Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh nói rằng: “Sau khi Bồ Tát Quán Tự Tại nói thần chú Bát Nhã Ba La Mật Đa xong, liền gọi Tôn

giả Xá Lợi Phát và các vị Đại Bồ Tát mà nói rằng: Đối với Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm diệu, nên học như vậy, nên hành như vậy”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ nơi hạnh phúc an lạc của thiên đĩnh mà xuất, gọi Bồ Tát Quán Thế Âm mà ca ngợi rằng:

“Hỡi Thiện nam tử, thật tuyệt vời thay, thật tuyệt vời thay! Đúng như lời Người nói: Bát Nhã Ba La Mật Đa là rất thâm diệu, nếu hành trì, thì nên hành trì như vậy, hành đúng như vậy. Và khi ấy các Đức Như Lai cũng đều hoan hỷ”.

“Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói như vậy xong, Tôn giả Xá Lợi Phát, Bồ Tát Quán Thế Âm và hết thầy hội chúng Trời, Người, A tu la..., nghe Đức Thế Tôn dạy như vậy, đều đại hoan hỷ, tín thọ và phụng hành”.⁹

Và, Thần chú Đại Bi Tâm Đà La Ni, là tiêu biểu cho Hạnh Môn Đại Bi của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Bấy giờ, ngay giữa Đại chúng ở nơi Núi Phổ Đà, Bồ Tát Quán Thế Âm bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Con có Thần chú Đà la ni của tâm đại bi, nay muốn tuyên thuyết: Vì muốn cho hết thầy chúng sanh có được sự an lạc; vì muốn loại trừ hết thầy bệnh tật cho chúng sanh; vì muốn cho hết thầy chúng sanh được sống lâu và giàu có; vì muốn diệt trừ hết thầy ác nghiệp và trọng tội cho chúng sanh; vì muốn cho hết thầy chúng sanh thoát ly chướng nạn; vì muốn tăng trưởng các công đức của pháp thanh tịnh cho chúng sanh; vì muốn cho hết thầy chúng sanh thành tựu tất cả thiện căn; vì muốn cho hết thầy chúng sanh xa lìa tất cả những nỗi sợ hãi và vì muốn cho hết thầy chúng sanh nhanh chóng thành tựu mọi ước muốn, nên cúi xin đức Thế Tôn từ bi thương xót, chấp nhận cho con tuyên thuyết thần chú!”.

Bấy giờ, Đức Phật dạy với Bồ Tát Quán Thế Âm rằng: “Hỡi Thiện Nam Tử! Người vì tâm đại bi, muốn làm an lạc cho hết thầy chúng sanh, nên tuyên thuyết thần chú, nay là đúng lúc, cần phải nói một cách nhanh chóng, Như Lai tùy hỷ và Chư Phật cũng vậy”.¹⁰ Như vậy, Thần chú Đại Bi Tâm Đà La Ni là Hạnh Môn của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Đại Bi và Đại Trí là hai chất liệu tạo nên Hạnh Môn của Bồ Tát Quán Thế Âm. Hai chất liệu Hạnh Môn này của Bồ Tát Quán Thế Âm là do Thần chú Đại Bi và Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh tạo thành, mà chính bản thân Bồ Tát Quán Thế Âm trực tiếp tuyên thuyết cho đại chúng lúc bấy giờ và đã được Đức Thế Tôn trực tiếp ấn chứng. Hai chất liệu tạo nên Hạnh

Môn của Bồ Tát Quán Thế Âm này, đã ảnh hưởng toàn bộ lên đời sống tu học của hầu hết Tăng Ni Phật tử Á Châu theo truyền thống Bắc Phạn suốt cả một chiều dài lịch sử.

Hiện nay hầu hết nghi lễ tụng niệm của Tăng Ni Phật tử Việt Nam, mở đầu là tụng Thần chú Đại Bi và kết thúc bằng Bát Nhã Tâm Kinh, nghĩa là mở đầu bằng Đại Bi và kết thúc bằng Đại Trí. Đưa Đại Bi đi tới với Đại Trí và đưa Đại Trí rơi vào trong Đại Bi. Đại Trí và Đại Bi không thể tách rời nhau trong đời sống tu tập của Tăng Ni Phật tử.

Nên, Đại Bi và Đại Trí không thể nào thiếu trong một thời khóa nghi lễ, hay một thời khóa công phu tu tập, hoặc nơi mỗi hành động xuất xử của Tăng Ni Phật tử Việt Nam. Nếu thiếu một trong hai, những hành xử của người tu sẽ nghiêng về một phía, hoặc là quá siêu việt, hoặc là quá thực dụng. Người nào tu tập mà nghiêng về một trong hai phía, đời sống của người ấy, sẽ mất thăng bằng và có thể bị gãy đổ. Nên, hai chất liệu Đại Bi và Đại Trí gắn liền với nhau trong đời sống của một người biết tu tập, giống như đôi cánh chim gắn liền nơi thân thể của một con chim Đại bàng.

Thần chú Đại Bi và Bát Nhã Tâm Kinh là Hạnh Môn của Bồ Tát Quán Thế Âm. Hạnh Môn ấy đã tạo thành những nét văn hóa, đạo đức, tín ngưỡng và phương pháp tu tập, kết hợp hài hòa độc đáo cho những người con Phật. Và đó là Hạnh Môn tu tập chuyển hóa tâm linh và độ đời một cách thiết thực và thâm diệu của Tăng Ni Phật tử Việt Nam đã trải qua rất nhiều thế hệ, và chính nó cũng đã tạo thành thể thống nhất, xuyên suốt, linh hoạt và độc đáo của Đạo Phật Việt Nam.

Nên, Hạnh Môn của Bồ Tát Quán Thế Âm được diễn tả ở phẩm Phổ Môn trong Kinh Pháp Hoa là tiêu biểu cho tính thể và tác dụng của một Đạo Phật xuyên suốt, thống nhất, sống động, độc đáo, và siêu việt ngay trong thực tế.

⁸ Phổ Môn Phẩm, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, tr 7, Đại Chính 9.

⁹ Đại Chính 8, tr 850 – 852.

¹⁰ Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh, tr 106, Đại Chính 20.

---o0o---

5.KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA - PHẨM PHỔ MÔN - BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM.

Tỷ khuru Thích Thái Hòa dịch từ bản Hán của Ngài Curu Ma La Thập.

Bấy giờ Bồ Tát Vô Tận Ý^[1], từ chỗ ngồi đứng dậy, trạc áo vai bên phải, chấp tay hướng đến đức Phật mà thưa rằng:

"Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát Quán Thế Âm^[2] vì lý do gì mà gọi là Quán Thế Âm?"

Đức Phật dạy Bồ Tát Vô Tận Ý rằng: Hỡi thiện nam tử! Nếu có vô lượng, trăm ngàn vạn ức chúng sanh, bị chịu các khổ đau, nghe nói đến Bồ Tát Quán Thế Âm, một lòng trì niệm danh hiệu của Ngài, Bồ Tát Quán Thế Âm tức khắc quán chiếu âm thanh của người trì niệm ấy, là họ đều được giải thoát.

Nếu có người trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, giả thiết rằng, người ấy đi vào trong lửa dữ, thì lửa dữ không thể đốt người ấy. Tại sao? Vì do sức mạnh oai thần của Bồ Tát ấy vậy.

Hoặc bị nước lớn cuốn trôi mà trì niệm danh hiệu của vị Bồ Tát ấy, liền được chỗ nước cạn.

Hoặc có trăm ngàn vạn ức chúng sanh, vì tìm cầu vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hồ phách, trân châu và các thứ báu vật khác mà đi vào trong biển cả, giả sử bị trận gió xoáy u ám dữ dội, thổi bạt thuyền tàu dạt vào đảo quốc quỷ La Sát, trong đó cho đến chỉ có một người xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tất cả mọi người đều thoát khỏi nạn quỷ La Sát. Vì những lý do như vậy, nên gọi là Quán Thế Âm.

Lại nữa, hoặc có người sắp sửa bị sát hại, người ấy trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì đao gậy trong tay đao phủ liền bị gãy từng đoạn và người bị sát hại thoát nạn.

Giả sử các loài quỷ Dạ Xoa và La Sát có mặt cùng khắp trong một tỷ thế giới muốn đến ám hại người nào, mà chúng nghe người ấy xưng niệm danh

hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì các loài quỷ độc ác ấy, còn không thể dùng mắt mà nhìn hướng nữa là làm hại.

Lại nữa, giả sử nếu người có tội, hoặc không có tội mà thân thể của họ bị buộc trói, gông cùm, xiềng xích, người ấy xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm thì mọi hình cụ đều đứt rã, họ liền được thoát nạn.

Hoặc giặc cướp có mặt cùng khắp trong quốc độ gồm một tỷ thế giới, có một vị thương chủ, cầm đầu đoàn thương gia mang cầm bảo vật quý giá, đi qua con đường hiểm, có một người trong đoàn thương gia ấy, liền xưng lên rằng: "Hỡi các Thiện nam tử, đừng có sợ hãi, quý vị hãy một lòng xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, là vị Bồ Tát có khả năng bố thí sự không sợ hãi cho chúng sanh, chúng ta hãy cùng nhau xưng niệm danh hiệu của vị Bồ Tát ấy, thì chúng ta sẽ được thoát khỏi tai nạn của giặc cướp. Những người đi buôn nghe nói, liền phát lên lời niệm "Nam mô Bồ Tát Quán Thế Âm". Do xưng niệm danh hiệu của vị Bồ Tát ấy, nên thoát khỏi tai nạn.

Này Vô Tận Ý! Sức oai thần của Đại Bồ Tát Quán Thế Âm cao lớn như vậy.

Nếu có chúng sanh, tính nhiều dâm dục, thường cung kính xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, liền thoát được tính dục; nếu tính nhiều sân hận, thường cung kính xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, liền thoát được tính sân; nếu tính nhiều ngu si, thường cung kính xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, liền thoát được tính si.

Vô Tận Ý! Bồ Tát Quán Thế Âm, có sức oai thần to lớn và nhiều lợi ích đại loại như vậy, do đó chúng sanh phải thường xuyên tâm niệm.

Nếu có người nữ nào, giả sử muốn cầu con trai, họ lễ bái và cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, thì liền sanh con trai có trí tuệ và phước đức; giả sử họ muốn cầu con gái, thì liền sanh con gái có tướng nữ đoan chánh đã từng gieo trồng gốc rễ phước đức, được mọi người thương kính.

Hỡi Vô Tận Ý! Bồ Tát Quán Thế Âm có uy lực như vậy, nên nếu có chúng sanh nào cung kính, lễ bái Bồ Tát Quán Thế Âm, thì phước đức của họ không thể trống rỗng.

Do đó, chúng sanh nên trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm.

Hỡi Vô Tận Ý! Nếu có người trì niệm sáu mươi hai ức hằng hà sa danh hiệu Bồ Tát và lại suốt đời cúng dường thực phẩm, ăn, uống, y phục, dụng cụ ngồi nằm, thuốc men,... ý ông nghĩ thế nào, người thiện nam hay thiện nữ đó công đức có nhiều chăng?

Vô Tận Ý thưa: "Rất nhiều, bạch đức Thế Tôn!".

Đức Phật dạy: "Nếu có người thọ trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, cho đến lễ bái, cúng dường chỉ một thời gian, thì phước đức của hai người ấy như nhau không khác. Phước đức ấy, trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp, không cùng tận".

Vô Tận Ý! Trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm được phước đức lợi ích vô lượng vô biên như thế.

Bồ Tát Vô Tận Ý, lại thưa với đức Phật rằng:

"Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát Quán Thế Âm du hóa ở trong thế giới Ta Bà này như thế nào? Thuyết pháp cho chúng sanh như thế nào? Và sức phương tiện của Bồ Tát ấy như thế nào?".

Đức Phật dạy Bồ Tát Vô Tận Ý rằng:

"Này Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh ở quốc độ nào, cần dùng thân tướng Phật để hóa độ, thì Bồ Tát Quán Thế Âm dùng thân tướng ấy để thuyết pháp, đối với những chúng sanh cần dùng thân Duyên Giác để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện thân tướng ấy mà thuyết pháp; đối với những chúng sanh cần dùng thân Thanh Văn để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện thân tướng Thanh Văn mà thuyết pháp; đối với những chúng sanh cần dùng thân Phạm Vương để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện thân tướng ấy mà thuyết pháp; đối với những chúng sanh cần dùng thân Đế Thích để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện thân tướng ấy mà thuyết pháp; đối với những chúng sanh cần dùng thân Tự Tại Thiên để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện thân tướng ấy mà thuyết pháp; đối với những chúng sanh cần dùng thân Đại Tự Tại Thiên để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện thân tướng ấy mà thuyết pháp; đối với những chúng sanh cần dùng thân của Thiên Đại Tướng Quân để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện thân tướng ấy mà thuyết pháp; đối với những chúng sanh cần dùng thân Tỳ Sa Môn^[3] để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện thân tướng ấy mà thuyết pháp; đối với những chúng sanh cần dùng thân Tiểu Vương để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện thân tướng ấy mà thuyết pháp; đối với những chúng sanh cần dùng thân Trưởng giả để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện thân tướng ấy mà thuyết pháp; đối với những chúng sanh cần dùng thân Trưởng giả để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện thân tướng ấy mà thuyết pháp; đối với những chúng

sanh cần dùng thân Cư sĩ để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện thân tướng ấy mà thuyết pháp; đối với những chúng sanh cần dùng thân Tể quan để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện thân tướng ấy mà thuyết pháp; đối với những chúng sanh cần dùng thân Bà la môn để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện thân tướng ấy mà thuyết pháp; đối với những chúng sanh cần dùng thân tướng Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện các thân tướng ấy mà thuyết pháp; đối với những chúng sanh cần dùng thân tướng phụ nữ thuộc Trưởng giả, Cư sĩ, Tể quan và Bà la môn để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện các thân tướng ấy mà thuyết pháp; đối với những chúng sanh cần dùng thân tướng đồng nam, đồng nữ để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện các thân tướng ấy mà thuyết pháp; đối với những chúng sanh cần dùng các thân tướng Trời, Rồng^[4], Dạ Xoa, Càn Thát Bà^[5], A Tu La^[6], Ca Lâu La^[7], Khẩn Na La^[8], Ma Hầu La Già^[9], Nhơn, Phi nhơn^[10],... để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện các thân tướng ấy mà thuyết pháp, đối với những chúng sanh cần dùng thân tướng vị Thần Chấp Kim Cang^[11] để hóa độ thì Bồ Tát liền hiện thân tướng ấy mà thuyết pháp^[12].

Hỡi Vô Tận Ý! Bồ Tát Quán Thế Âm thành tựu các công đức như vậy, dùng mọi hình tướng ở trong mọi quốc độ mà hóa độ hết thấy mọi chúng sanh. Vì vậy, quý vị nên nhất tâm cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm. Ở trong tai nạn nguy cấp kinh hãi, chính Đại Bồ Tát Quán Thế Âm có khả năng hiển tạng sự không sợ hãi, nên ở nơi thế giới Ta Bà này, mọi người đều tôn xưng Ngài là vị Bồ Tát hiển tạng sự không sợ hãi.

Bồ Tát Vô Tận Ý, bạch đức Phật rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn! Nay con xin cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm.”

Thưa xong, Bồ Tát Vô Tận Ý liền cởi chuỗi ngọc Anh lạc bảo châu, trị giá cả trăm ngàn lượng vàng đang đeo nơi cổ, cúng dâng lên Bồ Tát Quán Thế Âm mà thưa rằng:

"Thưa Nhân giả, xin Ngài nhận cho trân bảo hiến cúng đúng chánh pháp này!".

Bấy giờ, Bồ Tát Quán Thế Âm không nhận.

Bồ Tát Vô Tận Ý, lại thưa với Bồ Tát Quán Thế Âm rằng:

"Thưa Nhân giả, xin Ngài hãy thương chúng tôi mà nhận chuỗi ngọc Anh lạc này!".

Bấy giờ, đức Phật dạy Bồ Tát Quán Thế Âm rằng:

"Hãy thương Bồ Tát Vô Tận Ý, thương bốn chúng và các loài; Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhơn, Phi nhơn,... mà nhận chuỗi ngọc châu Anh lạc ấy".

Ngay lúc ấy, Bồ Tát Quán Thế Âm, thương bốn chúng và các hàng Trời, Rồng, Nhơn, Phi nhơn..., mà nhận chuỗi ngọc châu Anh lạc, và phân chuỗi ngọc làm hai phần; một phần dâng cúng đức Phật Thích Ca và một phần dâng cúng bảo tháp của đức Phật Đa Bảo.

Này Vô Tận Ý! Bồ Tát Quán Thế Âm có thần lực du hóa ở nơi thế giới Ta Bà một cách tự tại như vậy.

Bấy giờ, Bồ Tát Vô Tận Ý, đã thưa hỏi đức Thế Tôn bằng lời kệ tụng như sau:

"Thế Tôn đủ tướng đẹp

Con xin hỏi lại Ngài

Phật tử nhơn duyên gì

tên là Quán Thế Âm?

Đấng đầy đủ tướng đẹp

trả lời Vô Tận Ý:

Ngươi nghe hạnh Quán Âm

khéo thích ứng mọi nơi.

Nguyện sâu rộng như biển

trải qua vô lượng kiếp

từng theo ngàn ức Phật
phát nguyện lớn thanh tịnh.

Tôi vì người nói lược
ai nghe danh, thấy hình
tâm niệm không bỏ qua
diệt các khổ hiện hữu.

Giả sử ai ác ý
xô rớt hầm lửa lớn
do sức niệm Quán Âm
hầm lửa biến hồ sen.

Hoặc trôi nổi biển cả
gặp nạn quý, cá, rồng,
do sức niệm Quán Âm
sóng gió không nhận chìm.

Hoặc tại đỉnh Tu Di,
bị người ác xô rớt
do sức niệm Quán Âm
như mặt trời trên không.

Hoặc bị người ác đuổi,
rớt xuống núi Kim Cang
do sức niệm Quán Âm

không hại một mảy lông.

Hoặc gặp giặc vây hãm
cầm dao muốn giết hại
do sức niệm Quán Âm
khiến giặc khởi lòng thương.

Hoặc gặp khổ vương nạn
sắp sửa đem hành quyết
do sức niệm Quán Âm
dao gậy gãy từng đoạn.

Hoặc tù ngục xiềng xích
tay chân bị gông cùm
do sức niệm Quán Âm
liền thoát khỏi tự nhiên.

Bị thuốc độc, trù, ếm,
nguy hại đến thân mạng
do sức niệm Quán Âm
người gây lại nhận quả.

Hoặc gặp La Sát dữ,
Rồng độc và các quỷ...,
do sức niệm Quán Âm

khiến chúng không dám hại.

Hoặc ác thú vây hãm,
nanh móng nhọn ghê rợn
do sức niệm Quán Âm
khiến chúng liền tuôn chạy.

Rắn độc và bò cạp,
phun lửa khói, khí độc
do sức niệm Quán Âm
nghe tiếng chúng tự lui.

Sấm sét mây điện chớp
mưa lớn tuôn xối xả
do sức niệm Quán Âm
ngay đó được tạnh ráo.

Chúng sanh bị khốn ách
vô lượng khổ bức thân
sức trí mầu Quán Âm
năng cứu khổ cho đời.

Đầy đủ sức thần thông
rộng tu trí phương tiện

các cõi trong mười phương

thân Ngài đều hiện khắp.

Các cõi đến xấu xa

địa ngục, quỷ, súc sanh;

khổ, sanh, già, bệnh, chết

khiến từ từ tiêu diệt.

Quán chiếu đến tuyệt đỉnh^[13]

Quán chiếu thuần vô nhiễm^[14]

Quán chiếu bằng tuệ lớn^[15]

Quán chiếu bằng Đại bi^[16]

Quán chiếu bằng Đại từ^[17]

Thường nguyện, thường chiêm ngưỡng.

Ánh sáng trong, vô nhiễm

mặt trời tuệ phá tối

điều phục nạn gió lửa

sáng soi khắp thế gian.

Bản thể Bi hiện hữu

sấm dậy vang lòng Từ

ý Từ đức tuyệt đẹp

như mây lớn bủa khắp

rưới mưa pháp Cam lồ
dập tắt lửa phiền não^[18].
Đến cửa quan kiện tụng
trong quân trận hải hùng
do sức niệm Quán Âm
oán thù tự tan rã.
Âm thanh thật nhiệm màu
Âm thanh nhìn cuộc đời
Âm thanh thật trong suốt
Âm thanh như sóng biển
Âm thanh vượt cuộc đời,
nên tu phải thường niệm.
Tùng niệm đừng nghi ngờ,
Tịnh Thánh Quán Thế Âm
trong tai nạn khổ chết
Ngài là chỗ nương tựa.
Hoàn thành mọi công đức
mắt thương nhìn chúng sanh
biển phước chứa vô lượng
nên cần đánh lễ Ngài^[19].

Lúc bấy giờ, Bồ Tát Trì Địa^[20], từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước đức Phật bạch rằng:

"Bạch đức Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nào, nghe phẩm nói về Bồ Tát Quán Thế Âm, có nghiệp cảm tự tại, có năng lực thần thông thị hiện cùng khắp mọi nơi; thì nên biết rằng, người ấy công đức không phải là ít".

Lúc đức Phật nói phẩm Phổ Môn, trong chúng có tám vạn bốn ngàn chúng sanh đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

[1] Bồ Tát Vô Tận Ý: Phạn, Akṣayamatir bodhisattva (Buddhist Sanskrit Texts, No 6, P 250). Hán dịch Vô Tận Ý Bồ Tát, Vô Lượng Ý Bồ Tát. Bồ Tát này do quán chiếu nhân duyên, quả báo của hết thấy hiện tượng, sự tương đều là vô tận, nên phát tâm, trên là cầu thành tựu công đức vô tận của chư Phật, dưới là hóa độ chúng sanh vô tận, nên gọi là Bồ Tát Vô Tận Ý (Phật Quang 6, tr 5133). Burton Watson dịch Bodhisattva Inexhaustible Intent.

[2] Bồ Tát Quán Thế Âm: Phạn, Avalokiteśvaro, Buddhist Sanskrit Texts, No 6, P 250. La Thập dịch là Quán Thế Âm, Đại Chính 9, tr 56. Pháp Hộ dịch là Quang Thế Âm, Đại Chính 9, tr 128. Xà Na Quật Đa dịch là Quán Thế Âm, Đại Chính 9, tr191. Ở Bát Nhã Tâm Kinh, Ngài Huyền Trang dịch là Quán Tự Tại. Avalokite, Ngài Huyền Trang dịch là Quán và Ísvāra là Tự tại. Quán là xem xét, soi chiếu, nhìn cùng khắp; Tự tại là tự tại đối với năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới hay là tự tại đối với hết thấy mọi sự hiện hữu; tự tại đối với mọi pháp tu và vô ngại đối với mọi pháp chứng; tự tại đối với

mọi diệu dụng để tùy duyên hóa độ và tự tại đối với bản thể chân như thường trú. Do công hạnh như vậy, nên Ngài có tên là Quán Tự Tại. Lại nữa, tự tại có bốn nghĩa: -Quán cảnh tự tại: Bồ Tát do thực hành quán chiếu Bát Nhã, rõ thấy chân như ở nơi vạn pháp, nên Bồ Tát tự tại đối với vạn pháp. – Quán chiếu tự tại: Bồ Tát do thực hành quán chiếu Bát Nhã, thấu triệt năm uẩn không có tự tính, chứng thực tướng của vạn pháp ngay trong hiện tiền, không vướng hữu không kẹt vô, tự tại đối với pháp tu và vô ngại với đạo lý cũng như với mọi phương tiện biện thuyết. – Tác dụng tự tại: Bồ tát do thực hành quán chiếu Bát Nhã sâu xa, chứng nhập được pháp thân của bản hữu, do đó từ bản thể mà phát khởi diệu dụng để tùy duyên giáo hóa một cách vô ngại tự tại. - Thường hữu tự tại: Bồ Tát do thực hành quán chiếu Bát Nhã mà thể nhập Thực tướng Bát Nhã, hội nhập tự tánh chân như, tức là lý thường tại của tự tính, nên gọi là Quán Tự Tại.

Bồ Tát do thực hành quán chiếu Bát Nhã sâu xa, thấy rõ đương thể của năm uẩn đều là không có thực thể, chúng chỉ là những yếu tố giả hợp, nên Bồ Tát tự tại đối với năm uẩn và mỗi uẩn. Bởi công hạnh tu chứng của Bồ Tát như vậy, nên Bồ Tát có tên là Quán Tự Tại.

Bồ Tát Quán Tự Tại cũng còn gọi là Quán Thế Âm. Quán Thế Âm có hai nghĩa: - Đối với dụng công tu tập: Trong sáu căn, Ngài dùng nhĩ căn để tu tập, lắng nghe tất cả âm thanh của cuộc đời, nhưng không khởi vọng tâm phân biệt, không bị âm thanh của cuộc đời làm lay chuyển, lại còn có khả năng nghe lại tự tánh nghe, thành tựu nhĩ căn viên thông, nên gọi là Quán Thế Âm. - Đối với tùy duyên hóa độ: Bồ Tát vì Đại bi tâm, nên đối với hết thảy chúng sanh, khi gặp tai nạn, nhất tâm xưng trì danh hiệu của Ngài, tức thời Ngài dùng trí tuệ soi chiếu, và khởi tâm thương yêu rộng lớn, tùy duyên phó cảm để cứu độ, nên gọi là Quán Thế Âm.

Ở kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát Quán Thế Âm đã nói hạnh tu của mình với Thiện Tài Đồng Tử như sau:

“Này Thiện Nam Tử! Ta đã thành tựu Hạnh quang minh Pháp môn Đại bi, giáo hóa thành tựu tất cả chúng sanh, thường trú nơi cảnh giới của chư Phật, nhưng tùy theo chúng sanh mà ứng hóa cùng khắp trước mặt của họ. Hoặc dùng bố thí cho đến đồng sự mà nhiếp thủ chúng sanh; hoặc hiện sắc thân màu nhiệm, không thể nghĩ bàn để nhiếp thủ chúng sanh; hoặc phóng lưới ánh sáng vĩ đại trừ diệt mọi phiền não nóng bức cho chúng sanh; hoặc phát ra âm thanh màu nhiệm mà hóa độ họ; hoặc dùng oai nghi thuyết pháp; hoặc dùng thần lực tự tại; hoặc dùng phương tiện giác ngộ; hoặc hiện thị thân biến hóa; hoặc hiện thân đồng loại cho đến đồng sống chung để nhiếp thủ chúng sanh.

Này Thiện Nam Tử! Lúc tôi thực hành hạnh quang minh của pháp môn Đại bi, phát khởi thế nguyện rộng lớn, gọi là Nhiếp thủ hết thảy chúng sanh, muốn cho chúng sanh xa lìa sự sợ hãi con đường nguy hiểm, sợ hãi nhiệt não, sợ hãi ngu si, sợ hãi trói buộc, sợ hãi giết hại, sợ hãi bần cùng, sợ hãi không sống, sợ hãi tranh cãi kiện tụng, sợ hãi đại chúng, sợ hãi chết, sợ hãi ác đạo, sợ hãi nẻo đến xấu ác, sợ hãi tâm ý bất đồng, sợ hãi thương và không thương, sợ hãi tất cả điều ác, sợ hãi thân bị bức bách, sợ hãi tâm bị bức bách, sợ hãi đau buồn, ... Này Thiện Nam Tử! Tôi chỉ biết thực hành Quang minh Pháp môn Đại bi này của Bồ tát”.(Hoa Nghiêm 51, tr 718B, Đại Chính 9).

Như vậy, theo kinh Hoa Nghiêm pháp môn tu tập của Bồ Tát Quán Thế Âm, chính là thực hành tâm Đại bi cứu hộ hết thảy chúng sanh vượt ra khỏi mọi sự bức nã và sợ hãi.

[3] Tỳ Sa Môn: Phạn Vaiśravaṇa (Buddhist Sanskrit Texts No. 6, P. 252). Hán phiên âm là Tỳ sa môn, dịch là Đa văn. Vị Thiên vương ở phía Bắc đã được tham dự và nghe nhiều buổi thuyết pháp của Đức Phật, nên gọi là Đa văn thiên vương. Cũng có khi còn gọi là Phổ môn thiên vương. Vị Thiên vương có nhiều tài bảo, nổi tiếng khắp cả bốn phương, vì vậy gọi là Phổ môn Thiên vương. Vị Thiên vương này có nhiều uy lực, thống lãnh loài quý Dạ xoa và La sát. Dạ xoa là một loài quỷ có khả năng biến hóa làm người và những loài khác, hình thù dữ tợn, nhiều tay, nhiều chân. La Sát là loài quỷ cực ác, thô bạo, ghê rợn, thích ăn thịt người. Cảnh giới của chúng có thể ở dưới biển cả, có thể ở trên đất liền. Hai loại quỷ này đều chịu khuất phục dưới sự lãnh đạo của Tỳ sa môn Thiên Vương.

[4] Rồng: Phạn Nāgār, Hán dịch là Long. Rồng có tám loại:

1-Nandanagārāja: Hán dịch là Nan đà long vương, Hoan hỷ long vương. Vua của loài rồng có lòng hoan hỷ.

2-Upanandanagārāja : Hán dịch là Bạt nan đà long vương, Cận hỷ long vương. Vua của loài rồng thường gần gũi và hoan hỷ với nhân gian.

3- Sāgaranagārāja : Hán dịch là Ta già long vương, Hàm hải long vương. Vua của loài rồng cư trú ở dưới biển.

4- Vāsukinagārāja : Hán dịch là Hòa kiết tu long vương, Đa đầu long vương, Bửu xung long vương. Vua của loài rồng có chín đầu.

5- Tacchakanagārāja : Hán dịch là Đức ca xoa long vương, Hiện độc long vương, Đa thiết long vương. Vua của loài rồng có nhiều lưỡi và biểu hiện nhiều sự độc hại.

6- Anavataptanagārāja : Hán dịch là A na bà đạt đa long vương, Vô não hại long vương. Vua của loài rồng ở trên hồ của núi tuyết, thường biểu hiện sự hiền lành.

7- Manasvin : Hán dịch là Ma na tư, Đại thân, Đại lực. Vua của loài rồng có thân hình và có thế lực rất lớn.

8-Utpala : Hán dịch là Ưu bát la, Liên hoa sắc. Vua của loài rồng có màu sắc như hoa sen hồng.

Tám vị Long vương này đứng đầu trong hàng Long chúng đã từng đến Núi Linh Thứu để nghe Phật nói kinh Pháp Hoa.

[5] Càn thất bà: Phạm là Gandhara, Hán chuyển âm là Càn thất bà và dịch là Khứu Hương Thần – loài thần nuôi sự sống bằng cách ngửi hương. Thân thể của vị thần này thường phát ra hương thơm.

Đến nghe kinh Pháp Hoa có bốn vị Càn thất bà vương.

1.Manodjnagandhararāja: Hán chuyển âm và dịch là Nhạc Càn thất bà vương. Vua của một loài âm nhạc ở cõi trời Đê Thích, có tài về hát và nhảy theo những vũ khúc.

2.Manodjnasvaragandhararāja: Hán chuyển âm và dịch là Nhạc âm Càn thất bà vương. Vua của loại âm nhạc về điều âm và hòa âm của các loại nhạc khí và có tài nhảy theo những nhạc điệu hòa âm và điều âm ấy.

3.Madhuragandhararāja: Hán chuyển âm và dịch là Mỹ Càn thất bà vương. Vua của thần nhạc, có tài điều khiển nghệ thuật về vũ khúc một cách tinh diệu.

4.Madhurasvaragandhararāja: Hán chuyển âm và dịch là Mỹ âm Càn thất bà vương. Vua của loài thần nhạc có khả năng huấn luyện những nghệ thuật vũ khúc cho kẻ khác và điều tiết âm thanh, để phát ra những âm thanh vi diệu.

Bốn vị Càn thất bà vương này đã từng đến núi Linh Thứu để nghe Đức Phật nói kinh Pháp Hoa.

[6] A tu la: Phạm Asura, Hán chuyển âm là A tu la và dịch là Phi thiên, Phi đoàn chính. Một loài quỷ thần, có nhiều thần lực, có cung điện, có phước báo gần bằng chư Thiên, chứ không phải như chư Thiên. Tâm niệm chóng thay đổi, dễ nóng giận, nên gọi là Phi đoàn chánh.

Đến nghe kinh Pháp Hoa tại núi Linh Thứu có bốn vị A tu la vương.

1.Bàlesurarāja: Hán chuyển âm và dịch là Bà trĩ A tu la vương, Đoàn viên, Bị phược. Một loài quỷ thần bị trói buộc.

Sở dĩ loài này có tên như vậy là theo truyền thuyết, loài A tu la này đánh nhau với cõi trời Đế Thích, bị thua cuộc và bị bắt trời, và lại còn bị giáng chức thấp thua các vị Thiên thần.

2.Suraskandhàsuraràja: Hán chuyển âm và dịch Khur la khiến đà A tu la vương, Quảng kiên A tu la vương. Loài thần A tu la có vai rất rộng, ở dưới biển.

3.Vematchiràsuraràja: Hán chuyển âm và dịch Tỳ ma chất đa la A tu la vương, Tranh tâm, Chủng chủng nghi, Bào cầm... Loài thần A tu la có tâm hay tranh cãi, nóng giận, nhiều nghi ngờ và mặc áo mao răn ri.

4.Ràhosuraràja: Hán chuyển âm và dịch La hầu A tu la vương, Cháp nhật, Chướng trì. Nghĩa là loài A tu la dùng tay che khuất ánh sáng mặt trời. Loài này là loại tiền phong của loài A tu la.

[7] Ca lâu la vương: Phạm là Garudaràja. Hán chuyển âm và dịch là Câu lâu la vương, Kim sí điều vương.

Đến nghe kinh Pháp Hoa tại núi Linh Thứu có bốn loại Ca lâu la vương.

1.Mahàtedjagarudaràja: Hán chuyển âm và dịch là Đại oai đức Ca lâu la vương. Vua của loài chim có đôi cánh vàng rộng lớn, bay xa 335 vạn dặm; 1 dặm 576 # 600m = 193.536.000m, nơi cổ loài chim này có hạt Như ý bảo châu, nó bay bắt rồng để ăn. Do đó nó có oai đức lớn đối với loài rồng, khiến cho loài rồng phải kính hãi.

2.Mahàkayagarudaràja: Hán chuyển âm và dịch nghĩa là Đại thân Ca lâu la vương. Vua của loài chim thân lớn, sà hai cánh cách xa nhau 30 ức vạn dặm.

3.Mahàpumagarudaràja: Hán chuyển âm và dịch Đại mãn Ca lâu la vương; loài chim bắt rồng để ăn được sung mãn theo ý muốn.

4.Mahàrdhipràptagarudaràja: Hán chuyển âm và dịch là Như ý Ca lâu la vương. Vua của loài chim có hạt châu Như ý đeo ở nơi cổ.

[8] Khẩn na la: Phạm là Kinarà. Hán chuyển âm và dịch là Khẩn na la, Nghi thần; một loài quỷ thần quái lạ, giống như người mà không phải người, trên đầu có một cái sừng. Vị thần này đặc trách âm nhạc ở cõi trời Đế Thích, chuyên về tấu nhạc.

1.Dharmakinnararāja: Hán chuyển âm và dịch là Pháp Khẩn la la vương. Vua của loài thần tấu nhạc, chuyên ca ngợi về đạo lý Tứ Đế.

2.Sudharmakinnararāja: Hán chuyển âm và dịch là Diệu pháp Khẩn na la vương. Vua của loài thần chuyên tấu nhạc để ca ngợi sự vi diệu của đạo lý Duyên khởi.

3.Mahādharma-kinnararāja: Hán chuyển âm và dịch là Đại pháp Khẩn na la vương. Vua của loài thần tấu nhạc chuyên ca ngợi đạo lý Lục độ, đạo lý Đại thừa Bồ tát.

4.Dharanadharmakinnararāja: Hán chuyển âm và dịch là Trì pháp Khẩn na la vương. Vua của loài thần có khả năng tấu nhạc duy trì và tổng hợp pháp Ba thừa để dẫn đến Nhất thừa.

Khi đức Phật thuyết kinh Pháp Hoa có bốn vị Khẩn na la vương đến dự.

[9] Ma hầu la già: Phạn là Mahoraga, Hán chuyển âm và dịch là Ma hầu la già, Ma hô lạc ca, Đại mãng thần. Nghĩa là loài chúa tể của rắn, thân hình to lớn, thân thể thuộc về rắn, nhưng đầu giống như đầu người. Loài này dùng bụng để đi.

Khi đức Phật thuyết kinh Pháp Hoa ở núi Linh Thứu, loài thần rắn này cũng đến sự hội nghe pháp.

[10] Nhân phi nhân: Là danh từ tổng kết tám bộ gồm: Thiên, Long, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già. Trong

đó, tám bộ loại này có thể hiện thân người, nhưng không phải người. Trong khi Phật nói kinh Pháp Hoa ở núi Linh Thứu thì có tám bộ loại này đến tham dự.

[11] Thần Chấp Kim Cang : Phạn là Vajrapāṇivaineeyānāṃ (Buddhist Sanskrit Texts No 6, P 252). Vajra là Kim cang; pāṇi là tay cầm;

vaineeyānāṃ là Thần. Vajrapāṇivaineeyānāṃ, Vị Thần tay nắm chày Kim Cang. La Thập dịch 執金剛身, Chấp Kim Cang Thân (Đại Chính 9, tr 57B). Pháp Hộ dịch 執金剛神, Kim Cang Thần (Đại Chính 9, tr 129C). Xà Na Quật Đa dịch 執金剛神, Chấp Kim Cang Thần (Đại Chính 9, tr 192B).

[12] Đối với những chúng sanh, cần dùng thân tướng vị Thần Chấp Kim Cang để hóa độ, thì Bồ Tát liền hiện thân ấy mà thuyết pháp. Tương đương với Phạn văn: Vajrapāṇivaineṃyānāṃ sattvānāṃ vajrapāṇirupena dharma daśayati (Buddhist Sanskrit Texts No 6, P 252). = Với chúng sanh cần vị Thần tay cầm chày Kim Cang để thuyết pháp, liền biểu hiện hình tướng tay cầm Chày Kim Cang.

[13] Quán chiếu đến tuyệt đỉnh : Phạn là śubhalocana. (Buddhist Sanskrit Texts No 6, P 255). Śubha là đẹp tuyệt vời, đẹp tuyệt đỉnh, tuyệt diệu,... ; locana là quán chiếu, soi chiếu, nhìn sâu vào để thấy rõ bản chất. Śubhalocana Ngài La Thập và Ngài Xà Na Quật Đa đều dịch là 真觀, Chơn quán (Đại Chính 9, tr 58A, tr 193A), quán chiếu đúng chân lý. Burton Watson dịch sang Anh ngữ The true gaze. (The Lotus Sutra, P 305, Columbia University Press New York 1993).

[14] Quán chiếu thuần vô nhiễm: Phạn là Śuddhalocanā. Śuddha có gốc là Śudh, làm cho thuần khiết, làm cho vô nhiễm. Vậy, Śuddhalocanā là sự quán chiếu thuần khiết, sự quán chiếu vô nhiễm. Ngài La Thập và Xà Na Quật Đa đều dịch là 清淨觀, Thanh tịnh quán. Burton Watson dịch là The pure gaze.

[15] Quán chiếu bằng tuệ lớn : Phạn là Prajñājñānaviśiṣṭhalocanā. Prajñājñāna là trí tuệ ; viśiṣṭa là đặc biệt, tuyệt vời; locanā sự quán chiếu. Prajñājñānaviśiṣṭhalocanā, sự quán chiếu bằng trí tuệ đặc biệt, bằng trí tuệ tuyệt vời. Ngài La Thập và Xà na Quật Đa đều dịch 廣大智慧觀, Quảng đại trí tuệ quán. Burton Watson dịch là The gaze of great and encompassing wisdom.

[16] Quán chiếu bằng Đại bi : Phạn là kṣāpalocana. Quán chiếu những tập khởi khổ đau của chúng sanh mà khởi tâm thương yêu và có hành động cứu độ cụ thể. Ngài La Thập và Xà Na Quật Đa đều dịch là 悲觀, Bi quán. Burton Watson dịch là The gaze of pity.

Ở kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát Thanh Liên Hoa Tạng nói với Bồ Tát Liên Hoa Tạng rằng, Đại bi là quán sát các quyền thuộc nội thân; Đại từ là quán sát bản thể tịch diệt của chúng sanh. (Hoa Nghiêm 31, Đại Chính 9, tr 595C).

[17] Quán chiếu bằng Đại từ : Phạm là Maitralocanā. Quán chiếu khổ báo của chúng sanh mà khởi tâm thương yêu, chăm sóc, an ủi, vỗ về, khiến cho khổ báo từ từ được chuyển hóa. Ngài La Thập và Xà Na Quật Đa đều dịch là 慈觀 , Từ quán. Burton Watson dịch là The gaze of compassion.

[18] Hán: 悲體戒雷震,慈意妙大雲,澍甘露法雨,滅除煩惱焰, Bi thể giới lôi chấn, Từ ý diệu đại vân, chú Cam lồ pháp vũ, diệt trừ phiền não diệm.(Đại Chính 9, tr 58A, 193A). Phạm : kṣpasadguṣa maitragarjitā śubhaguṣa maitramanā mahāghanā/ kleśāgni śamesi prāninaṣ dharmavarpaṣ amṣtaṣ pravarpasi // (Buddhist Sanskrit Texts No 6, p 255). kṣpasadguṣa: bản thể bi hiện hữu; maitragarjitā: sấm dậy vang lòng từ; śubhaguṣa maitramanā: ý từ đức tuyệt đẹp; mahāghanā: mây lớn bủa cùng khắp. kleśāgni śamesi prāninaṣ: dập tắt lửa phiền não; dharmavarpaṣ amṣtaṣ pravarpasi: rưới mưa pháp Cam lồ. Như vậy, bài kệ này ta có thể dịch theo Phạm văn như sau: Bản thể Bi hiện hữu, sấm dậy vang lòng Từ, ý Từ đức tuyệt đẹp, như mây lớn bủa khắp, rưới mưa pháp Cam lồ, dập tắt lửa phiền não.

Mây lớn che phủ và mưa pháp Cam lồ không những chuyển tải chất liệu bản nguyện Từ bi của các vị Bồ Tát đối với chúng sanh mà còn là phương pháp giáo hóa hết sức xảo diệu của các đức Như Lai như kinh Hoa Nghiêm nói: “Đức Như Lai Bậc Toàn Giác trước khi mưa pháp, Ngài làm cho mây pháp nổi lên che khắp chúng sanh, sau đó mới mưa Chánh pháp Cam lồ, làm cho chúng sanh các căn của họ thành thực. Và sau khi các căn của họ thành thực rồi, Ngài mới mưa Cam lồ pháp vị. Nếu Như Lai nói ngay pháp thâm diệu, thì chúng sanh sẽ sanh ngay sự sợ hãi. Nên, Như Lai mưa từ từ khiến cho tất cả họ thấm nhuần Cam lồ pháp vị của Nhất Thiết Chúng Trí”. (Hoa Nghiêm 34, Đại Chính 9, tr 620A).

[19] Phần kệ tụng này, Phạm ở Buddhist Sanskrit Texts No 6, cũng như bản dịch Hán của Ngài La Thập và Ngài Xà Na Quật Đa đều có; Bản Chánh Pháp Hoa Kinh của Ngài Pháp Hộ không có.

[20] Bồ Tát Trì Địa: Phạm: Dharaṣidharo bodhisattva. Các Hán bản đều dịch Trì Địa Bồ Tát. Burton watson dịch là Bodhisattva Earth Holder. Theo Bửu Vân Kinh, quả đất có mười đặc điểm: 1- Quảng đại: Rộng lớn. 2- Chúng sanh y: Làm chỗ nương tựa cho chúng sanh. 3- Vô hảo ó: Không kỳ thị xấu tốt. 4- Thọ đại vũ: Tiếp nhận mưa lớn. 5- Sanh thảo mộc: Sinh trưởng cây cỏ. 6- Chúng tử sở y: Làm nơi nương tựa cho các loại hạt giống 7- Sanh chúng bửu: Sinh ra các loại bảo vật. 8- Sanh chúng dược: Sinh ra các loại

dược thảo. 9- Phong bất động: Không bị gió lay chuyển. 10- Sư tử hồng diệp bất năng kinh: Không kinh hãi bởi tiếng rống Sư tử. Vị Bồ Tát này tu tập Thiền định thành tựu mười đặc tính như quả đất vậy, nên gọi là Trì Địa Bồ Tát. (Pháp Hoa Khoa Chú 7).

---o0o---

6. PHẨM PHỔ MÔN BẰNG CHỮ NÔM

Sa môn: Pháp Liên dịch năm 1848

Diệu Âm phẩm trước nhiệm thay
Quan Âm Bồ Tát phẩm này Phổ môn
Danh Quán Tự Tại tiếng đồn
Cổ kim biến tướng càn khôn hiện hình
Chín vòng khổ não chúng sanh
Tiếng chi suốt đó cố tình độ xong
Đương cơ Bồ tát hội trung
Là Vô Tận Ý đầu dòng bậc trên
Quy gối xuống chấp tay lên
Trước tòa chiêm ngưỡng kim liên bạch lờ
Rằng: “ nghe Bồ tát biện tài
Duyên chi mà suốt tiếng đời vậy vậy”
Tiếng vàng truyền thoảng gió bay
Sen đưa phưng phức, ngọc dày khoan khoan
Rằng: “trong sinh chúng muôn vàn

Có điều khổ não kêu oan thiết tình
Chung giờ khắc suốt âm thanh
Dường như hang tiếng, tợ hình bóng siêu
Dầu ai trì niệm một điều
Tắt phương lửa cháy, cạn triều nước sôi
Vì khi đi lại đứng ngồi
Dẹp không hỏa thủy, dứt rồi kiến văn
Phong ba vốn thuộc căn trần
Lòng điên nên lại gặp phần gió điên
Bằng như sinh chúng muôn nghìn
Chăm lòng báo trọng, bạt thuyền bể khơi
Gặp đâu con gái lạ đời
Gọi tên la sát ăn người thế gian
Trong thuyền ai nẩy chan chan
Một người xưng hiệu được an cả bè
Tam tai thủy hỏa phong kia
Đều hay giải thoát là vì oai linh
Bằng ai lâm nạn bị hình
Cầm dao, dơ gậy, mong tình hại nhau
Thiết lòng xưng niệm một câu
Dao đâu cũng nát, gậy đâu cũng rời

Ba nghìn trong quốc độ kia
Chan chan la sát, bẻ bẻ dạ xoa
Rủ nhau muốn nã người ta
Nghe xưng hiệu Thánh chúng ma kinh hoàng
Chẳng hay mắt dữ xem thường
Huống chi còn dám làm đường lãng nhãng
Bằng người có tội với chẳng
Gông cùm lòi tói mang chưng thừa mình
Lâm râm trì niệm xưng danh
Đều cùng dứt nát tan tành còn đâu
Bằng chư oán tặc rủ nhau
Có người thương chủ làm đầu chư thương
Trong lung cùi những bạc vàng
Qua chưng hiểm lộ gặp phường ác nhân
Một người xướng nói ân cần
Xưng danh Bồ tát thí phần chúng sanh
Bạn buôn ai nấy phát thanh
Giặc kia đã thoát, nạn mình lại qua
Bằng người yếm thế đục đa
Cùng là sân nhuế cùng là ngu si
Thường chăm lễ bái một bề

Nhờ thần uy lực, đặc ly nghiệp trần
Triền minh tỏa vọng dung chân
Tâm nguyên bất động, thân căn giải trừ
Dung hình thiệp thể như như
Hóa vào vô tướng độ chư hữu tình
Dầu ai người gái muốn sinh
Muốn cầu Bồ Tát nên hình con trai
Sinh con có đức có tài
Mới thành gia đạo ra ngoài trượng phu
Ví dầu sinh phải đũa ngu
Danh đà chẳng thịnh, đạo tu khó thành
Thế gian sinh gái đã đành
Nhưng mà ít được đức lành nét ngoan
Thường cầu niệm Thánh mới toan
Tướng tâm đoan chánh được an sở cầu
Sởn sơ thêm lại sống lâu
Tuổi xanh vinh hiển ngày sau dãi truyền
Lợi dâm phước bất đường quyên
Ấy thường chân thật thiên nhiên đức hòa
Bằng người trì niệm càng gia
Sáu mươi hai ức hằng hà sa danh

Lại hay cung dưỡng tận hình
Thọ trì Bồ Tát một danh cũng bằng
Trăm nghìn muôn ức kiếp hằng
Vô biên công đức nói năng khôn cùng
Ấy mười bốn đức viên thông
Thí ngoài vô úy, độ trong hữu tình”
Rằng : “sao mà vị chúng sanh
Ba mươi hai ứng hiện hình đời nơi”
“Phật thân thuyết pháp mọi lời
Bích chi Thánh quả cùng người Thanh văn
Phạn vương cùng Đế Thích thân
Gồm hai Tụ Tại Tướng Quân đẳng hình
Tỳ Sa Môn lĩnh thiên binh
Tứ phương tổng quản, oai linh tướng trời
Thứ hai rồi lại hiện người
Tiểu vương, Trưởng giả là vờn ngôi trên
Tại Gia Cư sĩ đáng hiền
Tể Quan đại khí về truyền la môn
Tỷ Kheo hai giới đều tôn
Hiện Ưu Bà Tác lại còn Bà Di
Hiện người chủ phụ thâm khuê

Đồng chân nam nữ một bề hiện ra
Hiện Thiên Long cập Dạ Xoa
Càn A Ca Khẩn La Già Nhân nhân
Chấp Kim cương đại lực thần
Hiện thân thuyết pháp độ thân hộ trì
Ta Bà ấy chúng sanh kia
Gọi rằng chẳng sợ là vì có tin”
Nghe lời, Vô Tận bạch trên
“Tôi xin dâng cúng”, bèn liền cỡi ra
Chuỗi châu anh lạc thật là
Giá trăm nghìn lạng xứng qua vàng mười
Rằng : “nhân giả thọ pháp tài
Cúng dường pháp bảo tột vời trang nghiêm”
Quan Âm Bồ Tát một niêm
Rằng : “chẳng khứng chịu”, đó thêm bền lòng
Ấy ông Vô Tận chẳng cùng
Nại rằng mãi chúng chịu chung vật này
Thế Tôn lời cũng bảo vậy:
“Mãi chung chúng hội chịu nay vật hẳng”
Vâng lời khôn nhẽ nói năng
Chịu trường anh lạc chia bằng làm hai

Một phần dân đức Như Lai
Phần dân Đa Bảo tháp đài chứng qua
Thần thông tự tại càn gia
Khắp nơi thế giới Ta Bà bấy lâu
Trường văn nghĩa đã rất màu
Lại còn vắn lại thêm câu kệ rằng
Thế Tôn diệu tướng ai bằng
Tôi xin hỏi lại lẽ hằng nhân duyên
Dạy rằng: “nghe lấy nét hiền
Quan Âm thiện ứng mọi miền đâu đâu
Lời thề rộng nữa bề sâu
Trải bao nhiêu kiếp dễ hầu nghĩ xong
Châu nghìn ức Phật thông dong
Nguyện đều thanh tịnh độ vòng trần ai
Vì người nói lược mấy lời
Văn danh đã vậy, lại vời hiện thân
Một bề tâm niệm ân cần
Mọi điều khổ não mấy phần diệt ngay
Bằng người muốn hại vậy vậy
Nhảy lao hang lửa, biến rày nên ao
Hoặc là bề cả trôi vào

Long ngư quý nạn ba đào vượt đi
Hoặc lên đỉnh núi Tu di
Phải người xô ngã, vững thì hư không
Non Kim cang kể mấy trùng
Phải người dữ đuổi một lông cũng lành
Hoặc là oán tặc vây quanh
Cầm dao mong hại, lòng lành lại thôi
Hoặc là hình nạn đôi hồi
Dao đầu ra rả nát rồi thoát không
Hoặc là tù rạc cùm gông
Tay chân giềng trói đều cùng thoát ra
Những lời nguyên rửa người ta
Cùng đem thuốc độc để hòa hại ai
Đủ điều chính niệm chẳng sai
Nó làm nó chịu, mặc loài ác hung
Hoặc là sát quý hoạnh xung
Độc long chur quý đều cùng lánh xa
Loài ác thú, lợi trao nha
Ngoan xà phúc yết độc ra khói mù
Vốn người chính niệm chẳng vu
Ác trùng xa chạy, độc ngu tranh đời

Mây đùn sấm chớp đời nơi
Xuống mưa là đá tả toi âm âm
Một lời niệm lực lâm râm
Tiêu ngay biến dị, tan ngằm tai ương
Chúng sanh khốn ách nhiều đường
Vì nhân hoặc nghiệp vô lường khổ thân
Thánh nhiều trí lực oai thần
Rộng đem phương tiện độ dần thế gian
Trong quốc độ kể muôn vàn
Mười phương đâu chẳng tuần hoàn hiện đi
Ba đường địa quý súc kia
Diệt dần tứ khổ, chúng quy Niết bàn
Chân thanh bi trí từ quan
Nguyện thường chiêm ngưỡng mới an thừa lòng
Rủ không trần cấu sạch trong
Ấy vừng tuệ nhật phá vòng tối đêm
Dẹp không gió lửa chẳng hiềm
Khấp soi cõi thế ứng điềm từ bi
Sấm rền một tiếng dậy ghê
Mây kia che rợp, mưa kia đượm nhuần
Ấy là hạp Phật pháp thân

Bát nhã giải thoát chung chân Bồ đề
Dầu quan quân trần một khi
Những gì chúng oán gặp gì lui tan
Tiếng đâu diệu phạn đã an
Tiếng đâu triều hải, thế gian khôn bì
Niệm rồi, niệm chớ sinh nghi
Nhờ ơn tịnh thánh được y hỗ thường
Mắt từ bể phước khôn lường
Vậy nên đỉnh lễ, phước thường chứa chan”
Thuyết rồi bài kệ đã an
Tòa tiền Trì Địa khoan khoan bạch rày:
“Bằng chư sinh chúng bay bày
Được nghe Bồ Tát phẩm này Phổ Môn
Đã đành nghiệp tự tại tôn
Lại thần thông lực ai còn dám đương
Nhiều công đức lại thọ trường
Vâng trì diệu pháp, xưng dương nghĩa đề
Bốn nghìn tám vạn đầy khe
Phát thành đảnh đảnh Bồ đề chi tâm
Tán rằng Đại sĩ Quan Âm
Mười hai nguyện cả hoằng thâm độ trì

Thuyền pháp chở tán mây che

Bể chìm vượt ráo, bến mê tỏ tường

Tâm thanh niệm cứu tai ương

Chẳng đâu là chẳng thường thường hiện thân”.

---o0o---

7. 妙法蓮華經觀世音菩薩普門品.

爾時,無盡意菩薩即從座起,偏袒右肩,合掌向佛而作是言:世尊,觀世音菩薩以何因緣名觀世音?

佛告無盡意菩薩:善男子,若有無量百千萬億眾生,受諸苦惱,聞是觀世音菩薩一心稱名觀世音菩薩,即時觀其音聲皆得解脫.

若有持是觀世音菩薩名者,設入大火,火不能燒;由是菩薩,威神力故.若為大水所漂,稱其名號即得淺處.

若有百千萬億眾生,為求:金銀,琉璃,車渠馬瑙^[1],珊瑚虎珀,真珠,等寶,入於大海:假使黑風吹其船舫,飄墮羅刹鬼國,其中若有乃至一人,稱觀世音菩薩名者,是諸人等皆得解脫羅刹之難.以是因緣,名觀世音.

若復有人,臨當被害,稱觀世音菩薩名者,彼所執刀杖,尋段段壞,而得解脫.

若三千大千國土,滿中夜叉,羅刹,欲來惱人,聞其稱觀世音菩薩名者,是諸惡鬼,尚不能以惡眼視之,況復加害.

設復有人,若有罪,若無罪,杻械枷鎖,檢繫其身,稱觀世音菩薩名者,皆悉斷壞即得解脫.

若三千大千國土,滿中怨賊,有一商主,將諸商人,濟持重寶經過險路,其中一人,作是唱言:“諸善男子,勿得恐怖,汝等應當一心稱觀世音菩薩名號;是菩薩能以無畏施於眾生;汝等若稱名者,於此怨賊,當得解脫”眾商人聞,俱發聲言:

“南無觀世音菩薩”稱其名故,即得解脫.

無盡意!觀世音菩薩摩訶薩,威神之力,巍巍如是.

若有眾生,多於婬欲,常念恭敬觀世音菩薩,便得離欲;若多瞋恚,常念恭敬觀世音菩薩,便得離瞋;若多愚癡,常念恭敬觀世音菩薩,便得離癡.

無盡意!觀世音菩薩,有如是等大威神力,多所饒益.是故眾生,常應心念.

若有女人,設欲求男,禮拜供養觀世音菩薩,便生福德智慧之男;設欲求女,便生端正有相之女,宿植德本,眾人愛敬.

無盡意!觀世音菩薩有如是力,若有眾生,恭敬禮拜觀世音菩薩,福不唐捐,是故眾生皆應受持觀世音菩薩名號.

無盡意!若有人受持六十二億恆河沙菩薩名字復盡刑供養飲食,衣服,臥具,醫藥,於汝意云何?是善男子,善女人功德多不?

無盡意言:“甚多,世尊”.佛言:

“若復有人,受持觀世音菩薩名號,乃至一時禮拜,供養,是二人福,正等無異!於百千萬億劫,不可窮盡.無盡意,受持觀世音菩薩名號,得如是無量無邊福德之利”.

無盡意菩薩白佛言：

“世尊，觀世音菩薩，云何遊此娑婆世界？云何而為眾生說法？方便之力，其事云何？”

佛告無盡意菩薩：

“善男子，若有國土眾生應以佛身得度者，觀世音菩薩即現佛身而為說法；應以辟支佛身得度者，即現辟支佛身而為說法；應以聲聞身得度者，即現聲聞身而為說法；應以梵王身得度者，即現梵王身而為說法；應以帝釋身得度者，即現帝釋身而為說法；應以自在天身得度者，即現自在天身而為說法；應以大自在天身得度者，即現大自在天身而為說法；應以天大將軍身得度者，即現天大將軍身而為說法；應以毘沙門身得度者，即現毘沙門身而為說法；應以小王身得度者，即現小王身而為說法；應以長者身得度者，即現長者身而為說法；應以居士身得度者，即現居士身而為說法；應以宰官身得度者，即現宰官身而為說法；應以婆羅門身得度者，即現婆羅門身而為說法；應以比丘，比丘尼，優婆塞，優婆夷身得度者，即現比丘，比丘尼，優婆塞，優婆夷身而為說法；應以長者，居士，宰官，婆羅門，婦女身得度者，即現婦女身而為說法；應以童男，童女身得度者，即現童男，童女身而為說法；應以天，龍，夜叉，乾闥婆，阿修羅，迦樓羅，緊那羅，摩篋羅伽，人，非人等身得度者即皆現之而為說法；應以執金剛身^[2]得度者，即現執金剛身而為說法。

無盡意！是觀世音菩薩成就如是功德，以種種刑，遊諸國土，度脫眾生，是故汝等，應當一心供養觀世音菩薩。是觀世音菩薩摩訶薩，於怖畏急難之中，能施無畏；是故此娑婆世界，皆號之為施無畏者。

無盡意菩薩白佛言：

“世尊！我今當供養觀世音

菩薩”即解頸眾寶珠瓔珞,價值百千兩金,而以與之,作是言:

“仁者受此法施,珍寶瓔珞”.時觀世音菩薩不肯受之.無盡意復白觀世音菩薩言:

“仁者愍我等故,受此瓔珞”.爾時佛告觀世音菩薩:

“當愍此無盡意菩薩及四眾:天龍,夜叉,乾闥婆,阿修羅,迦樓羅,緊那羅,摩
菴羅伽,人,非人等故,受此瓔珞”.即時觀世音菩薩愍諸四眾,及於天,龍,人,
非人等,受其瓔珞,分作二分:一分奉釋迦牟尼佛,一分奉多寶佛塔.

無盡意,觀世音菩薩有如是自在神力遊於娑婆世界.

爾時無盡意菩薩以偈問曰:

世尊 妙相具

我今重問彼

佛子何因緣

名為觀世音?

具足妙相尊

偈答無盡意:

汝聽觀音行

善應諸方所

弘誓深如海

歷劫不思議

侍多千億佛

發大清淨願

我為汝略說

聞名及見身

心念不空過

能滅諸有苦

假使興害意

推落大火坑

念彼觀音力

火坑變成池。

或漂流巨海

龍魚諸鬼難

念彼觀音力

波浪不能沒。

或在須彌峰

為人所推墮

念彼觀音力

如日虛空住。

或被惡人逐

墮落金剛山

念彼觀音力

不能損一毛。

或值怨賊繞

各執刀加害

念彼觀音力

咸即起慈心。

或遭王難苦

臨刑欲壽終

念彼觀音力

刀尋段段壞。

或囚禁枷鎖

手足被扭械

念彼觀音力

釋然得解脫。

咒詛諸毒藥

所欲害身者

念彼觀音力

還著於本人。

或遇惡羅剎

毒龍諸鬼等

念彼觀音力

時悉不敢害。

若惡獸圍遶

利牙爪可怖

念彼觀音力

疾走無邊方。

狠蛇及蝮蠍

氣毒煙火燃

念彼觀音力

尋聲自迴去。

雲雷鼓掣電

降雹澍大雨

念彼觀音力

應時得消散。

眾生被困厄

無量苦逼身

觀音妙智力

能救世間苦。

具足神通力

廣修智方便

十方諸國土

無刹不現身

種種諸惡趣

地獄鬼畜生

生老病死苦

以漸悉令滅。

真觀清淨觀

廣大智慧觀

悲觀及慈觀

常願常瞻仰

無垢清淨光

慧日破諸闇

能伏災風火

普明照世間

悲體戒雷震

慈意妙大雲

澍甘露法雨

滅除煩惱 焰

諍訟經官處

怖畏軍陣中

念彼觀音力

眾怨悉退散

妙音觀世音

梵音海潮音

勝彼世間音
是故須常念
念念勿生疑
觀世音淨聖
於苦惱死厄
能為作依怙
具一切功德
慈眼視眾生
福聚海無量
是故應頂禮。

爾時持地菩薩,即從座起,前白佛言:

“世尊,若有眾生聞是觀世音菩薩品,自在之業,普門示現,神通力者;當知是人功德不少”。

佛說是普門品時眾中八萬四千眾生皆發無等等阿耨多羅三藐三菩提心。

---o0o---

Âm:

**DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN PHẨM**

Nhĩ thời! Vô Tận Ý Bồ Tát tức tùng tọa khởi, thiên đản hữu kiên, hiệp chủng hướng Phật nhi tác thị ngôn:

“Thế tôn, Quán Thế Âm Bồ tát dĩ hà nhơn duyên danh Quán Thế Âm?”

Phật cáo Vô Tận Ý Bồ tát: Thiện nam tử, nhược hữu vô lượng bá thiên vạn ức chúng sanh, thọ chư khổ não, văn thị Quán Thế Âm Bồ tát nhưt tâm xưng danh, Quán Thế Âm Bồ tát, tức thời quán kỳ âm thanh giai đắc giải thoát.

Nhược hữu trì thị Quán Thế Âm Bồ tát danh giả, thiết nhập đại hóa, hóa bất năng thiêu; do thị Bồ tát, oai thần lực cố. Nhược vi đại thủy sở phiêu, xưng kỳ danh hiệu tức đắc thiên xứ.

Nhược hữu bá thiên vạn ức chúng sanh, vị cầu: kim ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu, đẳng bảo, nhập ư đại hải: giả sử hắc phong xuy kỳ thuyền phưởng, phiêu đọa La sát quỷ quốc, kỳ trung nhược hữu nữ chí nhất nhơn, xưng Quán Thế Âm Bồ tát danh giả, thị chư nhân đẳng gia đắc giải thoát La sát chi nạn. Dĩ thị nhân duyên, danh Quán Thế Âm.

Nhược phục hữu nhân, lâm đương bị hại, xưng Quán Thế Âm Bồ tát danh giả, bỉ sở chấp đao trượng, tầm đoạn đoạn hoại, nhi đắc giải thoát.

Nhược tam thiên đại thiên quốc độ, mãn trung Dạ xoa, La sát, dục lai não nhơn, văn kỳ xưng Quán Thế Âm Bồ tát danh giả, thị chư ác quỷ, thượng bất năng dĩ ác nhãn thị chi, huống phục gia hại.

Thiết phục hữu nhơn, nhược hữu tội, nhược vô tội, nữ giới già tóa, kiểm hệ kỳ thân, xưng Quán Thế Âm Bồ tát danh giả, giai tất đoạn hoại tức đắc giải thoát.

Nhược tam thiên đại thiên quốc độ, mãn trung oán tặc, hữu nhất thương chủ, tương chư thương nhơn, tê trì trọng bảo kinh quá hiểm lộ, kỳ trung nhưt nhơn, tác thị xưng ngôn: “chư thiện nam tử, vật đắc khủng bố, nữ đẳng ưng đương nhưt tâm xưng Quán Thế Âm Bồ tát danh hiệu; thị Bồ tát năng dĩ vô úy thí ư chúng sanh; nữ đẳng nhược xưng danh giả, ư thử oán tặc, đương đắc giải thoát”. Chúng thương nhơn văn, câu phát thính ngôn: “Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát” xưng kỳ danh cố, tức đắc giải thoát.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ tát ma ha tát, oai thần chi lực, nguy nguy như thị.

Nhược hữu chúng sanh, đa u dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ tát tiện đặc ly dục; nhược đa sân nhuế, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ tát, tiện đặc ly sân; nhược đa ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ tát tiện đặc ly si.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ tát, hữu như thị đẳng đại oai thần lực, đa sở nhiều ích. Thị cố chúng sanh, thường ưng, tâm niệm.

Nhược hữu nữ nhơn, thiết dục cầu nam, lễ bái cúng dường Quán Thế Âm Bồ tát, tiện sanh phước đức trí tuệ chi nam, thiết dục cầu nữ, tiện sanh đon chánh hữu tướng chi nữ, tức thực đức bản, chúng nhơn ái kính.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ tát hữu như thị lực, nhược hữu chúng sanh, cung kính lễ bái Quán Thế Âm Bồ tát, phước bất đường quyên, thị cố chúng sanh, giai ưng thọ trì Quán Thế Âm Bồ tát danh hiệu.

Vô Tận Ý! nhược hữu nhơn thọ trì lực thập nhị ức hằng hà sa Bồ tát danh tự, phục tận hình cúng dường ẩm thực, y phục, ngoạ cụ, y dược, u nhữ ý vân hà? Thị thiện nam tử, thiện nữ nhơn công đức đa phủ?

Vô Tận Ý ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn”. Phật ngôn: “Nhược phục hữu nhơn, thọ trì Quán Thế Âm Bồ tát danh hiệu, nãi chí nhất thời lễ bái, cúng dường, thị nhĩ nhơn phước, chánh đẳng vô dị! Ư bá thiên vạn ức kiếp, bất khả cùng tận. Vô Tận Ý thọ trì Quán Thế Âm Bồ tát danh hiệu, đặc như thị vô lượng vô biên phước đức chi lợi”.

Vô Tận Ý Bồ tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn, Quán Thế Âm Bồ tát, vân hà du thử Ta bà thế giới? Vân hà nhĩ vị chúng sanh thuyết pháp? Phương tiện chi lực, kỳ sự vân hà?

Phật cáo Vô Tận Ý Bồ tát: “Thiện nam tử, nhược hữu quốc độ chúng sanh, ưng dĩ Phật thân đặc độ giả, Quán Thế Âm Bồ tát tức hiện Phật thân nhĩ vị thuyết pháp; ưng dĩ Bích Chi Phật thân đặc độ giả, tức hiện Bích Chi Phật thân nhĩ vị thuyết pháp; ưng dĩ Thịnh Văn thân đặc độ giả, tức hiện Thịnh Văn thân nhĩ vị thuyết pháp; ưng dĩ Phạm vương thân đặc độ giả, tức hiện Phạm Vương thân nhĩ vị thuyết pháp; ưng dĩ Đế Thích thân đặc độ giả, tức hiện Đế Thích thân nhĩ vị thuyết pháp; ưng dĩ Tự Tại Thiên thân đặc độ giả, tức hiện Tự Tại Thiên thân nhĩ vị thuyết pháp; ưng dĩ Đại Tự Tại Thiên thân đặc độ giả, tức hiện Đại Tự Tại Thiên thân nhĩ vị thuyết pháp; ưng dĩ Thiên Đại Tướng Quân thân đặc độ giả, tức hiện Thiên Đại Tướng Quân thân nhĩ vị thuyết pháp; ưng dĩ Tỳ Sa Môn thân đặc độ giả, tức hiện Tỳ Sa Môn thân

nhi vị thuyết pháp; ung dĩ Tiểu Vương thân đắc độ giả, tức hiện Tiểu Vương thân nhi vị thuyết pháp; ung dĩ Trưởng Giả thân đắc độ giả, tức hiện Trưởng Giả thân nhi vị thuyết pháp; ung dĩ Cư Sĩ thân đắc độ giả, tức hiện Cư Sĩ thân nhi vị thuyết pháp; ung dĩ Tể Quan thân đắc độ giả, tức hiện Tể Quan thân nhi vị thuyết pháp; ung dĩ Bà La Môn thân đắc độ giả, tức hiện Bà La Môn thân nhi vị thuyết pháp; ung dĩ Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di thân đắc độ giả, tức hiện Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di thân nhi vị thuyết pháp; ung dĩ Trưởng Giả, Cư Sĩ, Tể Quan, Bà La Môn, Phụ nữ thân đắc độ giả, tức hiện Phụ nữ thân nhi vị thuyết pháp; ung dĩ Đồng nam, Đồng nữ thân đắc độ giả, tức hiện Đồng nam, Đồng nữ thân nhi vị thuyết pháp; ung dĩ Thiên, Long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhơn, Phi nhơn đẳng thân đắc độ giả tức giai hiện chi nhi vị thuyết pháp; ung dĩ Cháp Kim Cang thân đắc độ giả, tức hiện Cháp Kim Cang thân nhi vị thuyết pháp.

Vô Tận Ý! Thị Quán Thế Âm Bồ tát thành tựu như thị công đức dĩ chủng chủng hình, du chư quốc độ, độ thoát chúng sanh, thị cố nhữ đẳng, ung đương nhứt tâm cúng dường Quán Thế Âm Bồ tát thị Quán Thế Âm Bồ Tát ma ha tát, ư bố úy cấp nạn chi trung, năng thí vô úy; thị cố thử Ta bà thế giới, giai hiệu chi vi thí vô úy giả.

Vô Tận Ý Bồ tát bạch Phật ngôn:

“Thế Tôn! Ngã kim đương cúng dường Quán Thế Âm Bồ tát”. Tức giải cảnh chúng bảo châu anh lạc, giá trị bá thiên lượng kim, nhi dĩ dữ chi, tác thị ngôn: “nhơn giả thọ thử pháp thí, trân bảo anh lạc”. Thời Quán Thế Âm Bồ tát bất khăng thọ chi. Vô Tận Ý phục bạch Quán Thế Âm Bồ tát ngôn: “nhơn giả mẫn ngã đẳng cố, thọ thử anh lạc”. Nhĩ thời Phật cáo Quán Thế Âm Bồ tát: “đương mẫn thử Vô Tận Ý Bồ tát cấp tứ chúng: Thiên, Long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhơn, Phi nhơn đẳng cố, thọ thử anh lạc”. Tức thời Quán Thế Âm Bồ tát, mẫn chư tứ chúng; cấp ư Thiên, Long, Nhơn, Phi nhơn đẳng, thọ kỳ anh lạc, phân tác nhị phần: nhất phần phụng Thích Ca Mâu Ni Phật, nhất phần phụng Đa Bảo Phật tháp.

Vô Tận Ý, Quán Thế Âm Bồ tát hữu như thị tự tại thần lực du ư Ta bà thế giới.

Nhĩ thời Vô Tận Ý Bồ tát dĩ kệ vản viết:

Thế Tôn diệu tướng cụ

Ngã kim trùng vấn bỉ
Phật tử hà nhân duyên
Danh vi Quán Thế Âm?
Cụ túc diệu tướng tôn
Kệ đáp Vô Tận Ý:
Nhữ thánh Quán Âm hạnh
Thiện ứng chư phương sở
Hoằng thệ thâm như hải
Lịch kiếp bất tư nghị
Thị đa thiên ức phật
Phát đại thanh tịnh nguyện
Ngã vị nhữ lược thuyết
Văn danh cập kiến thân
Tâm niệm bất không quá
Năng diệt chư hữu khổ,
Giả sử hưng hại ý
Thôi lạc đại hỏa khanh
Niệm bỉ Quán Âm lực
Hỏa khanh biến thành trì.
Hoặc phiêu lưu cự hải
Long ngư chư quý nạn

Niệm bĩ Quán Âm lực
Ba lãng bất năng một.
Hoặc tại Tu Di phong
Vị nhơn sở thôi đọa
Niệm bĩ Quán Âm lực
Như nhật hư không trụ
Hoặc bi ác nhơn trực
Đọa lạc kim cang sơn
Niệm bĩ quán âm lực
Bất năng tổn nhứt mao.
Hoặc trị oán tặc nhiều
Các chấp đao gia hại
Niệm bĩ Quán Âm lực
Hàm tức khởi từ tâm
Hoặc tao vương nạn khổ
Lâm hình dục thọ chung
Niệm bĩ quán âm lực
Đao tâm đoạn đoạn hoại
Hoặc tù cầm già tỏa
Thủ túc bị nữ giới
Niệm bĩ Quán Âm lực

Thích nhiên đắc giải thoát,

Chú trớ chur độc dược

Sở dục hại thân giả

Niệm bĩ Quán Âm lực

Hoàn trước ư bốn hơn.

Hoặc ngộ ác La Sát

Độc Long chur quý đấng

Niệm bĩ Quán Âm lực

Thời tất bất cảm hại.

Nhược ác thú vi nhiều

Lợi nha trảo khả bố

Niệm bĩ Quán Âm lực

Tật tẩu vô biên phương.

Ngoan xà cập phúc yết

Khi độc yên hỏa nhiên

Niệm bĩ Quán Âm lực

Tâm thanh tự hồi khứ.

Vân lôi cổ xiết điện

Giáng bạc chú đại võ

Niệm bĩ Quán Âm lực

ứng thời đắc tiêu tán.

*Chúng sanh bị khốn ách
Vô lượng khổ bức thân
Quán Âm diệu trí lực
Năng cứu thế gian khổ.
Cụ túc thần thông lực
Quảng tu trí phương tiện
Thập phương chư quốc độ
Vô sát bất hiện thân.
Chủng chủng chư ác thú
Địa ngục, quỷ, súc sanh
Sanh, lão, bệnh, tử, khổ
Dĩ tiệt tất linh diệt
Chơn Quán Thanh Tịnh Quán
Quảng Đại Trí Huệ Quán
Bi Quán cập Từ Quán
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.
Vô cầu thanh tịnh quang
Huệ nhật phá chư ám
Năng phục tai phong hỏa
Phổ minh chiếu thế gian.
Bi thể giới lôi chấn*

Từ ý diệu đại vân
Chú cam lồ pháp võ
Diệt trừ phiền não diệt
Tránh tụng kinh quan xú
Bố úy quân trận trung
Niệm bỉ quán âm lực
Chúng oán tất thối tán.
Diệu Âm Quán Thế Âm
Phạm Âm Hải Triều Âm
Thắng bỉ Thế Gian Âm
Thị cố tu thường niệm
Niệm niệm vật sanh nghi.
Quán Thế Âm tịnh thánh
Ư khở não tử ách
Năng vị tác y hõ.
Cụ nhứt thế công đức
Từ nhãn thị chúng sanh
Phước tụ hải vô lượng
Thị cố ưng đánh lễ.

Nhĩ thời Trì Địa Bồ Tát, tức tùng tòa khởi, tiền bạch Phật ngôn: “Thế Tôn, nhược hữu chúng sanh văn thị Quán Thế Âm Bồ tát phẩm, tự tại chi nghiệp, Phổ Môn thị hiện, thần thông lực giả; đương tri thị nhơn công đức bất thiểu”.

Phật thuyết thị Phổ Môn phẩm thời, chúng trung bát vạn tứ thiên chúng sanh, giai phát vô đẳng đẳng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Tâm.

[1] 碑磔, 碼碯.

[2] 神

---o0o---

8. Bản Anh Ngữ

The Universal Gateway of The Bodhisattva Perceiver of The World's Sounds

At the time the bodhisattva Inexhaustible intent immediately rose from his seat, bared his right shoulder, pressed his palms together and facing the Buddha, spoke these words: “World-Honored One, this Bodhisattva Perceiver of the World’s Sounds-why is he called Perceiver of the World’s Sounds?”

The Buddha said to Bodhisattva Inexhaustible Intent: “Good man, suppose there are immeasurable hundreds, thousands, ten thousands, millions of living beings who are undergoing various trials and suffering. If they hear of this bodhisattva Perceiver of the World’s Sounds and single-mindedly call his name, then at once he will perceive the sound of their voices and they will all gain deliverance from their trials.

“If someone, holding fast to the name of bodhisattva Perceiver of the World’s Sounds, should enter a great fire, the fire could not burn him. This would come about because of this bodhisattva’s authority and supernatural power. If one were washed away by a great flood and called upon his name, one would immediately find himself in a shallow place.

“Suppose there were a hundred, a thousand, ten thousand, a million living beings who, seeking for gold, silver, lapis lazuli, seashell, agate, coral, amber, pearls, and other treasures, set out on the great sea. And suppose a fierce wind should blow their ship off course and it drifted to the land of

rakshasa demons. If among those people there is even just one who calls the name of Bodhisattva Perceiver of the World's Sounds, then all those people will be delivered from their troubles with the rakshasas. This is why he called Perceiver of the World's Sounds.

“If a person who faces imminent threat of attack should call the name of Bodhisattva Perceiver of the World's Sounds, then the swords and staves wielded by his attackers would instantly shatter into so many pieces and he would be delivered.

“Though enough yakshas and rakshasas to fill all the thousand-millionfold world should try to come and torment a person, if they hear him calling the name of Bodhisattva Perceiver of the World's Sounds, then these evil demons will not even be able to look at him with their evil eyes, much less do him harm.

“Suppose there is a person who, whether guilty or not guilty, has had his body imprisoned in fetters and chains, cangue and lock. If he calls the name of Bodhisattva Perceiver of the World's Sounds, then all his bonds will be severed and broken and at once he will gain deliverance.

“Suppose, in a place filled with all the evil-hearted bandits of the thousand-millionfold world, there is a merchant leader who is guiding a band of merchants carrying valuable treasures over a steep and dangerous road, and that one man shouts out these words: “Good men, do not be afraid! You must single-mindedly call on the name of Bodhisattva Perceiver of the World's Sounds. This bodhisattva can grant fearlessness to living beings. If you call his name, you will be delivered from these evil-hearted bandits! When the band of merchants hear this, they all together raise their voices, saying “Hail to the Bodhisattva Perceiver of the World's Sounds!” And because they call his name, they are at once able to gain deliverance. Inexhaustible Intent, the authority and supernatural power of the Bodhisattva and Mahasattva Perceiver of the World's Sounds are as mighty as this!

“If there should be living beings beset by numerous lusts and cravings, let them think with constant reverence of Bodhisattva Perceiver of the World's Sounds and then they can shed their desires. If they have great wrath and ire, let them think with constant reverence of Bodhisattva Perceiver of the World's Sounds and then they can shed their ire. If they have great ignorance and stupidity, let them think with constant reverence of

Bodhisattva Perceiver of the World's Sounds and they can rid themselves of stupidity.

“Inexhaustible Intent, the Bodhisattva Perceiver of the World's Sounds possesses great authority and supernatural powers, as I have described, and can confer many benefits. For this reason, living beings should constantly keep the thought of him in mind.

“If a woman wishes to give birth to a male child, she should offer obeisance and alms to Bodhisattva Perceiver of the World's Sounds and then she will bear a son blessed with merit, virtue, and wisdom. And if she wishes to bear a daughter, she will bear one with all the marks of comeliness, one who in the past planted the roots of virtue and is loved and respected by many persons.

“Inexhaustible Intent, the Bodhisattva Perceiver of the World's Sounds has power to do all this. If there are living beings who pay respect and obeisance to Bodhisattva Perceiver of the World's Sounds, their good fortune will not be fleeting or vain. Therefore living beings should all accept and uphold the name Bodhisattva Perceiver of the World's Sounds.

“Inexhaustible Intent, suppose there is a person who accepts and upholds the names of as many bodhisattvas as there are sands in sixty-two million Ganges, and for as long as his present body lasts, he offers them alms in the form of food and drink, clothing, bedding and medicines. What is your opinion? Would this good man or good woman gain many benefits, or would he not?”

Inexhaustible Intent replied “ They would be very many, World-Honored One”

The Buddha said: “Suppose also that there is a person who accepts and upholds the name of Bodhisattva Perceiver of the World's Sounds and even just once offers him obeisance and alms. The good fortune gained by these two persons would be exactly equal and without difference. For a hundred, a thousand, ten thousand, a million kalpas it would never be exhausted or run out. Inexhaustible Intent, if one accepts and upholds the name of Bodhisattva Perceiver of the World's Sounds, he will gain the benefit of merit and virtue that is as immeasurable and boundless as this!”

Bodhisattva Inexhaustible Intent said to the Buddha “World-Honored One, Bodhisattva Perceiver of the World’s Sounds - how does he come and go in this saha world? How does he preach the law for the sake of living beings? How does the power of expedient means apply his case?”

The Buddha said to Bodhisattva Inexhaustible Intent: “Good man, if there are living beings in the land who need someone in the body of a Buddha in order to be saved, Bodhisattva Perceiver of the World’s Sounds immediately manifests himself in a Buddha body and preaches the Law for them. If they need someone in a pratyekabuddha’s body in order to be saved, immediately he manifests a pratyekabuddha’s body and preaches the law to them. If they need a voice-hearer to be saved, immediately he becomes a voice-hearer and preaches the Law for them. If they need King Brahma to be saved, immediately he becomes King Brahma and preaches the Law for them. If they need the lord shakra to be saved, immediately he becomes the lord shakra and preaches the Law for them. If they need the heavenly being Freedom to be saved, immediately he becomes the heavenly being Freedom and preaches the Law for them. If they need the heavenly being Great Freedom to be saved, immediately he becomes the heavenly being Great Freedom and preaches the Law for them. If they need a great general of heaven to be saved, immediately he becomes a great general of heaven and preaches the Law for them. If they need Vaishravana to be saved, immediately he becomes Vaishravana and preaches the Law for them. If they need a petty king to be saved, immediately he becomes a petty king and preaches the Law for them. If they need a rich man to be saved, immediately he becomes a rich man and preaches the Law for them. If they need a householder to be saved, immediately he becomes a householder and preaches the Law for them. If they need a chief minister to be saved, immediately he becomes a chief minister and preaches the Law for them. If they need a Brahman to be saved, immediately he becomes a Brahman and preaches the Law for them. If they need a monk, a nun, a layman believer, or a laywoman believer to be saved, immediately he becomes a monk, a nun, a layman believer, or a laywoman believer and preaches the Law for them. If they need the wife of a rich man, of a house-holder, a chief minister, or a Brahman to be saved, immediately he becomes those wives and preaches the Law for them. If they need a young boy or a young girl to be saved, immediately he becomes a young boy or a young girl and preaches the Law for them. If they need a heavenly being, a dragon, a yaksha, a gandharva, an asura, a garuda, a kimnara, a mahoraga, a human or a nonhuman being to be saved, immediately he becomes all of these and preaches the Law for them.

If they need a vajra-bearing god to be saved, immediately he becomes a vajra-bearing god and preaches the Law for them.

“Inexhaustible Intent, this Bodhisattva Perceiver of the World’s Sounds has succeeded in acquiring benefits such as these and, taking on a variety of different forms, goes about among the land saving living beings. For this reason you and the others should single mindedly offer alms to Bodhisattva Perceiver of the World’s Sounds. This Bodhisattva and mahasattva perceiver of the World’s Sounds can be stow fearlessness on those who are in fearful, pressing or difficult circumstances. That is why in this saha world everyone calls him Bestower of fearlessness”.

Bodhisattva Inexhaustible Intent said to the Buddha: “World-Honored One, now I must offer alms to Bodhisattva Perceiver of the World’s Sounds”.

Then He took from his neck a necklace adorned with numerous precious gems, worth a hundred or a thousand taels of gold, and presented it to [the bodhisattva], saying: “Sir, please accept this neck-lace of precious gems as a gift in the Dharma”.

At that time Bodhisattva Perceiver of the World’s Sounds was unwilling to accept the gift.

Inexhaustible Intent spoke once more to Bodhisattva Perceiver of the World’s Sounds, saying: “Sir, out of compassion for us, please accept this necklace”.

Then the Buddha said to Bodhisattva Perceiver of the World’s Sounds: “Out of compassion for this Bodhisattva Inexhaustible Intent and for the four kinds of believers, the heavenly beings, dragons, yakshas, gandharvas, asuras, garudas, kimnaras, mahoragas, human and nonhuman beings, you should accept this necklace”.

Thereupon Bodhisattva Perceiver of the World’s Sounds, having compassion for the four kinds of believers and the heavenly beings, dragons, human and nonhuman beings and the others, accepted the necklace and dividing it into two parts, presented one part to Shakyamuni Buddha and presented the other to the tower of the Buddha Many Treasures.

[The Buddha said]: “Inexhaustible Intent, these are the kinds of freely exercised supernatural powers that Bodhisattva Perceiver of the World’s Sounds displays in his comings and goings in the saha world”.

At that time Bodhisattva Inexhaustible Intent posed this question in verse form:

World-Honored One replete with wonderful features,

I now ask you once again

for what reason that Buddha’s son

is named Perceiver of the World’s Sounds?

The Honored One endowed with wonderful features

replied to Inexhaustible Intent in verse:

Listen to the action of the Perceiver of sounds,

how aptly he responds in various quarters.

His vast oath is deep as the ocean;

kalpas pass but it remains unfathomable.

He has attended many thousands and millions of Buddhas,

setting forth his great pure vow.

I will describe him in outline for you

listen to his name, observe his body,

bear him in mind, not passing the time vainly,

for he can wipe out the pains of existence.

Suppose someone should conceive a wish to harm you,

Should push you into a great pit of fire.

*Think on the power of that Perceiver of Sounds
and the pit of fire will change into a pond!*

*If you should be cast adrift on the vast ocean,
Menaced by dragons, fish and various demons,*

*Think on the power of that Perceiver of Sounds
and the billows and waves cannot drown you!*

*Suppose you are on the peak of Mount Sumeru
and someone pushes you off.*

*Think on the power of that Perceiver of Sounds
and you will hang in midair like the sun!*

*Suppose you are pursued by evil men
who wish to throw you down from a diamond mountain.*

*Think on the power of that Perceiver of Sounds
and they cannot harm a hair of you!*

*Suppose you are surrounded by evil-hearted bandits,
each brandishing a knife to wound you.*

*Think on the power of that Perceiver of Sounds
and at once all will be swayed by compassion!*

*Suppose you encounter trouble with the king's law,
Face punishment, about to forfeit your life.*

Think on the power of that Perceiver of Sounds

and the executioner's sword will be broken to bits!

Suppose you are imprisoned in cage and lock,

Hands and feet bound by fetters and chains.

Think on the power of that Perceiver of Sounds

and they will fall off, leaving you free!

Suppose with curses and various poisonous herbs

someone should try to injure you.

Think on the power of that Perceiver of Sounds

and the injury will rebound upon the originator.

Suppose you encounter evil rakshasas,

poison dragons and various demons.

Think on the power of that Perceiver of Sounds

and then none of them will dare to harm you.

If evil beasts should encircle you,

their sharp fangs and claws inspiring terror.

Think on the power of that Perceiver of Sounds

and they will scamper away in boundless retreat.

If lizards, snakes, vipers, scorpions

threaten you with poison breath that sears like flame,

think on the power of that Perceiver of Sounds

and, hearing your voice, they will flee of themselves.

*If clouds should bring thunder, and lightning strike,
if hail pelts or drenching rain comes down,
think on the power of that Perceiver of Sounds
and at that moment they will vanish away.*

*If living beings encounter weariness or peril,
immeasurable suffering pressing them down,
the power of the Perceiver of Sound's wonderful wisdom
can save them from the sufferings of the world.*

*He is endowed with transcendental powers
and widely practices the expedient means of wisdom.*

*Throughout the lands in the ten directions
there is no region where he does not manifest himself.*

*In many different kinds of evil circumstances,
in the realms of hell, hungry spirits or beasts,
the sufferings of birth, old age, sickness and death-
all these he bit by bit wipes out.*

*He of the true gaze, the pure gaze,
the gaze of great and encompassing wisdom,
the gaze of pity, the gaze of compassion-
constantly we implore him, constantly look up in reverence.*

His pure light, free of blemish,

is a sun of wisdom dispelling all darkneses.

*He can quell the wind and fire of misfortune
and everywhere bring light to the world.*

*The precepts from his compassionate body shake us like thunder,
the wonder of his pitying mind is like a great cloud.*

*He sends down the sweet dew, the Dharma rain,
to quench the flames of earthly desires.*

*When law suits bring you before the officials,
when terrified in the midst of an army,*

*think on the power of that Perceiver of Sounds
and hatred in all its forms will be dispelled.*

Wonderful sound, Perceiver of the World's Sounds,

Brahma's sound, the sea tide sound-

they surpass those sounds of the world;

therefore you should constantly think on them,

from thought to thought never entertaining doubt!

Perceiver of the World's Sounds, pure sage-

to those in suffering, in danger of death,

he can offer aid and support.

Endowed with all benefits,

he views living beings with compassionate eyes.

The sea of his accumulated blessings is immeasurable;

therefore you should bow your head to him!

At that time the Bodhisattva Earth Holder immediately rose from his seat, advanced, and said to the Buddha: “World-Honored One, if there are living beings who hear this chapter on Bodhisattva Perceiver of the World’s Sounds, on the freedom of his actions, his manifestation of a universal gateway, and his transcendental powers, it should be known that the benefits these persons gain are not few!”

When the Buddha preached this chapter on the Universal Gateway, a multitude of eight-four thousand persons in the assembly all conceived a determination to attain the unparalleled state of anuttara-samyak-sambodhi.

Burton Watson

---o0o---